

Luận văn

Cải cách quy trình thủ tục hải
quan nhập khẩu máy móc,
thiết bị tạo tài sản cố định của
dự án đầu tư theo hướng hiện
đại hóa phù hợp với các quy
định của WTO

LỜI GIỚI THIỆU

1. Tính cấp thiết nghiên cứu của đề tài

Tại bất kỳ quốc gia nào, ngành hải quan luôn chiếm một vị trí vô cùng quan trọng trong nền kinh tế. Tại Việt Nam, hải quan là cơ quan được Nhà nước giao nhiệm vụ quản lý Nhà nước về hải quan, quản lý đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đối với phương tiện vận tải và xuất cảnh, nhập cảnh của hành khách. Nhiệm vụ của ngành Hải quan rất là nặng nề do phạm vi quản lý của ngành rất rộng lớn lại phức tạp.

Xu thế hội nhập, toàn cầu hoá nền kinh tế hiện nay đã mang lại nhiều cơ hội phát triển cho nền kinh tế nước ta. Tuy nhiên bên cạnh đó lại mang lại nhiều nguy cơ đòi hỏi ngành Hải quan phải có sự quản lý ngày càng có hiệu quả và phải có biện pháp quản lý phù hợp khi mà lưu lượng hàng hoá xuất nhập khẩu ngày càng tăng, ngày càng xuất hiện nhiều thủ đoạn buôn lậu tinh vi với số lượng lớn, mức độ vi phạm ngày càng nghiêm trọng. Hải quan nước ta đã có nhiều biện pháp để quản lý đối với đối tượng này, trong đó quản lý thông qua biện pháp làm thủ tục hải quan cho hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thương mại là một cách rất hữu hiệu. Việc thiết kế quy trình thủ tục hải quan với các bước chặt chẽ, hợp lý thể hiện được vai trò quản lý của hải quan đối với hàng hoá qua lãnh thổ hải quan. Do vậy, vai trò của việc làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu là rất quan trọng.

Ngày 7/11/2006, Việt Nam được kết nạp trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới WTO. Gia nhập WTO, Việt Nam phải chấp nhận cả gói hiệp định của WTO, trong đó có hiệp định liên quan đến lĩnh vực hải quan. Do đó, ngành hải quan sẽ phải tiến hành tiếp tục cải cách,

hiện đại hoá quy trình thủ tục hải quan theo hướng vừa quản lý chặt chẽ, vừa tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong tự do hoá thương mại.

Trong thời kỳ mở cửa nền kinh tế hiện nay, Nhà nước luôn có những chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư, các dự án đầu tư đổ vào Việt Nam ngày càng nhiều, kéo theo sự gia tăng của nhu cầu nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định. Mặt hàng này được hưởng rất nhiều ưu đãi, đặc biệt là ưu đãi về thuế, nên quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu mặt hàng này có một số điểm khác biệt cần lưu ý so với quy trình chung và thường bị các doanh nghiệp lợi dụng để trốn thuế, gian lận thương mại xảy ra ở mặt hàng này là rất lớn.

Chính vì những lý do đó, quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư đứng trước yêu cầu cần được cải cách, hiện đại hoá cho phù hợp với tình hình mới.

2. Tuyên bố vấn đề nghiên cứu

Trước những yêu cầu cấp thiết đặt ra trong quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư như đã đề cập ở trên, Tổng Cục hải quan và các đơn vị có liên quan đã từng bước khắc phục kịp thời, đưa ra những quy định mới bổ sung, đồng thời tiếp tục nghiên cứu cải cách quy trình thủ tục hải quan nhằm tạo ra một môi trường thông thoáng khuyến khích đầu tư, mặt khác, vẫn đảm bảo sự quản lý chặt chẽ của cơ quan hải quan.

Thực tế đó đã tạo cho tôi một sự quan tâm đặc biệt muốn được đi sâu tìm hiểu thực tế quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.

Chính vì vậy, tôi quyết định chọn đề tài: **“Cải cách quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu**

tu theo hướng hiện đại hóa phù hợp với các quy định của WTO” để làm luận văn tốt nghiệp.

3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Làm rõ cơ sở khoa học và những quy định chung về quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.

- Đánh giá quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.

- Đề xuất các giải pháp nhằm hiện đại hóa, đơn giản hóa quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.

4. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Do khuôn khổ có hạn, nên bài viết chỉ đề cập tới những vấn đề cơ bản nhất liên quan tới quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.

- Bài viết chỉ nghiên cứu trong phạm vi Tổng Cục hải quan

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phỏng vấn, đặt câu hỏi: tiến hành phỏng vấn trực tiếp, đặt ra các câu hỏi trực tiếp tới các vị lãnh đạo Vụ giám sát quản lý – Tổng Cục hải quan nhằm có được cái nhìn rõ nét hơn về công tác thực hiện quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại Tổng Cục (danh sách tại phụ lục 1).

- Phương pháp thu thập dữ liệu: xin số liệu trực tiếp về máy móc, thiết bị nhập khẩu tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại phòng Công nghệ thông tin, Tổng Cục hải quan; tìm kiếm, thu thập các văn bản hướng dẫn có liên quan đến quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư tại Vụ giám sát quản lý - Tổng Cục hải quan và thông tin về số vụ vi phạm quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại Vụ pháp chế - Tổng Cục hải

quan. Đồng thời tiến hành truy cập vào các Website như Website của Tổng Cục hải quan; của các Cục, Chi cục hải quan; của các tờ báo điện tử,....

6. Kết cấu của đề tài nghiên cứu

Đề tài của tôi gồm có 3 chương chính:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.

Chương 2: Thực trạng công tác thực hiện quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại Tổng Cục hải quan.

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU MÁY MÓC, THIẾT BỊ TẠO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Lý luận chung về thủ tục hải quan và quy trình thủ tục hải quan

1.1.1 Khái niệm thủ tục hải quan

Theo Công ước quốc tế về Đơn giản và Hải hòa thủ tục Hải quan (còn gọi là Công ước Kyoto) có hiệu lực từ năm 1974, bản sửa đổi, bổ sung được Hội đồng Tổ chức Hải quan thế giới WCO phê chuẩn vào tháng 6 năm 1999 và có hiệu lực vào ngày 3 tháng 2 năm 2006, thủ tục hải quan là tất cả các hoạt động tác nghiệp mà bên hữu quan và bên hải quan phải thực hiện nhằm đảm bảo sự tuân thủ pháp luật hải quan.

Còn theo Luật Hải quan Việt Nam thì thủ tục hải quan là các công việc mà người khai hải quan và công chức hải quan phải thực hiện theo quy định của pháp luật đối với hàng hoá, phương tiện vận tải.

Như vậy, thủ tục hải quan có thể hiểu là trình tự các bước công việc mà người khai hải quan và công chức hải quan phải thực hiện theo quy định của pháp luật khi thực hiện hoạt động XK, NK.

Việc làm thủ tục hải quan cho hàng hoá XK, NK thương mại thể hiện vai trò quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động XNK. Mục tiêu quản lý của Nhà nước đối với hoạt động này là tạo điều kiện thuận lợi cho các quy trình thủ tục hải quan, đồng thời phải đảm bảo kiểm tra giám sát có hiệu quả. Khi làm thủ tục hải quan, cả người khai hải quan và công chức hải quan đều phải tuân theo các quy định cụ thể và phải hiểu rõ các bước công việc mình cần phải làm, để thực hiện nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

1.1.2. Khái niệm quy trình thủ tục hải quan

Quy trình thủ tục hải quan là trình tự các bước công việc mà công chức hải quan phải thực hiện để thông quan hàng hoá XK, NK theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Quy trình thủ tục hải quan thường được ban hành kèm theo bởi một Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (có thể là Quyết định của Bộ Tài chính hoặc có thể là Quyết định của Tổng cục Hải quan).

Tùy thuộc vào trình độ quản lý cũng như tình hình phát triển kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế trong từng thời kỳ mà các quy trình thủ tục hải quan cũng được xây dựng khác nhau. Đồng thời qua thực tiễn áp dụng, các quy trình thủ tục này sẽ được thay đổi dần sao cho phù hợp với tình hình thực tế của các hoạt động XNK, đáp ứng được yêu cầu quản lý của cơ quan Hải quan.

1.1.3. Khái quát chung về Vụ giám sát quản lý - Tổng Cục Hải Quan.

1.1.3.1 Cơ cấu tổ chức của Vụ giám sát quản lý

Vụ giám sát quản lý có 1 cấp trưởng (Vụ trưởng), 4 cấp phó (Phó vụ trưởng) và 40 chuyên viên.

Vụ trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng về toàn bộ hoạt động của đơn vị.

Phó vụ trưởng chịu trách nhiệm trước Vụ trưởng về nhiệm vụ được phân công.

Các chuyên viên chịu sự lãnh đạo, phân công công việc trực tiếp từ Vụ trưởng và các Phó vụ trưởng.

1.1.3.2. Nhiệm vụ của Vụ giám sát quản lý

- Xây dựng hoặc tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chế, quy trình nghiệp vụ về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, chuyển cửa khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; về thực hiện bảo vệ

quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; về tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế về hải quan mà Việt Nam tham gia hoặc ký kết trình cấp có thẩm quyền ban hành.

- Đề xuất, kiến nghị những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung về chính sách quản lý hàng hoá xuất nhập khẩu, quá cảnh, chuyển cửa khẩu, phương tiện vận tải xuất nhập cảnh liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Vụ.

- Xây dựng các đề án, giải pháp thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan.

- Xây dựng các đề án, chương trình, kế hoạch hiện đại hoá về nghiệp vụ thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan; đề xuất việc trang bị các phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác kiểm tra, giám sát hải quan.

- Trình Tổng cục trưởng quyết định cấp giấy phép thành lập kho ngoại quan, kho bảo thuế, quyết định thành lập địa điểm kiểm tra, thực tế hàng hoá, xuất khẩu, nhập khẩu ngoài cửa khẩu theo quy định của pháp luật.

- Quản lý hoạt động của các Trung tâm phân tích, phân loại hàng hoá xuất nhập khẩu thuộc Tổng Cục Hải Quan theo phân công của Tổng cục trưởng; hướng dẫn, quản lý việc sử dụng kết quả phân tích, phân loại hàng hoá xuất nhập khẩu.

- Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trong ngành thực hiện nghiệp vụ về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, chuyển cửa khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; hướng dẫn việc xác định xuất xứ hàng hoá xuất nhập khẩu, phân loại hàng hoá, thanh khoản hồ sơ hải quan đối với hàng đầu tư, gia công, hàng sản xuất xuất khẩu, hàng tạm nhập tái xuất và hàng tạm xuất tái nhập và các loại hình xuất nhập khẩu khác theo quy định của Luật Hải quan và các quy định khác của pháp luật có liên quan,...và một số nhiệm vụ khác do Tổng cục trưởng giao.

1.1.3.3. Cơ sở vật chất của Vụ giám sát quản lý

Vụ giám sát quản lý nằm trong khuôn viên của Tổng cục hải quan – 162 Nguyễn Văn Cừ - Gia Lâm – Hà Nội, được xây dựng theo thiết kế hiện đại khang trang, thể hiện một cơ quan công quyền, đáp ứng yêu cầu phát triển, mở rộng của quản lý hải quan hiện đại.

Các phòng làm việc của Vụ đều được trang bị máy điều hoà, mỗi nhân viên có một bàn làm việc, một máy tính hiện đại kết nối mạng internet và mạng cục bộ riêng biệt, và nhiều thiết bị văn phòng phẩm thiết yếu phục vụ công việc khác.

Tuy nhiên, hiện nay, phòng làm việc của nhân viên còn khá chật hẹp gây ra một số bất tiện trong quá trình làm việc, đòi hỏi phải được mở rộng không gian làm việc hơn.

1.2. Những lý luận chung về quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị để tạo tài sản cố định cho các dự án đầu tư.

1.2.1. Quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu đối với máy móc thiết bị tạo tài sản cố định cho dự án đầu tư không thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu

(Sơ đồ quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu mặt hàng này tại phụ lục 2)

1.2.1.1. Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra sơ bộ, đăng ký tờ khai, quyết định hình thức, mức độ kiểm tra

Đây là bước đầu tiên trong quy trình thủ tục hải quan, cán bộ làm thủ tục phải thực hiện những công việc như sau:

- Nhập mã số thuế xuất nhập khẩu của doanh nghiệp để kiểm tra điều kiện cho phép mở tờ khai của doanh nghiệp trên hệ thống (có bị cưỡng chế không) và kiểm tra ân hạn thuế, bảo lãnh thuế;

+ Nếu không được phép đăng ký Tờ khai thì thông báo bằng phiếu yêu cầu nghiệp vụ cho người khai hải quan biết trong đó nêu rõ lý do không được phép đăng ký Tờ khai;

+ Nếu được phép đăng ký tờ khai thì tiến hành kiểm tra sơ bộ hồ sơ hải quan (thực hiện theo quy định tại điểm III, mục I phần B Thông tư 112/2005/TT-BTC). Nếu hồ sơ hợp lệ thì nhập thông tin Tờ khai vào hệ thống máy tính:

* Trường hợp tiếp nhận hồ sơ thủ công (hồ sơ giấy) thì nhập máy các thông tin trên tờ khai hải quan, tờ khai trị giá và các thông tin liên quan khác (nếu có). Trường hợp hồ sơ luồng xanh có thuế thì in “chứng từ ghi số thuế phải thu” theo quy định.

* Trường hợp tiếp nhận khai hải quan bằng phương tiện điện tử (đĩa mềm, truyền qua mạng...) thì cập nhật dữ liệu vào hệ thống máy tính và các thông tin liên quan khác (nếu có);

- Sau khi nhập các thông tin vào máy tính, thông tin được tự động xử lý (theo chương trình hệ thống quản lý rủi ro) và đưa ra Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra.

Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra gồm một số tiêu chí cụ thể theo mẫu, có 3 mức độ khác nhau (mức 1; 2; 3 tương ứng xanh, vàng, đỏ).

+ Mức (1): miễn kiểm tra chi tiết hồ sơ, miễn kiểm tra thực tế hàng hoá (luồng xanh);

+ Mức (2): kiểm tra chi tiết hồ sơ, miễn kiểm tra thực tế hàng hoá (luồng vàng);

+ Mức (3): kiểm tra chi tiết hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hoá (luồng đỏ).

Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra thuộc mức (3) (luồng đỏ) có 3 mức độ kiểm tra thực tế (thực hiện theo quy định tại Thông tư 112/2005/TT-BTC) như sau:

+ Mức (3).a : Kiểm tra toàn bộ lô hàng;

+ Mức (3).b: Kiểm tra thực tế 10% lô hàng, nếu không phát hiện vi phạm thì kết thúc kiểm tra, nếu phát hiện có vi phạm thì tiếp tục kiểm tra cho tới khi kết luận được mức độ vi phạm.

+ Mức (3).c: Kiểm tra thực tế tới 5% lô hàng, nếu không phát hiện vi phạm thì kết thúc kiểm tra, nếu phát hiện có vi phạm thì tiếp tục kiểm tra cho tới khi kết luận được mức độ vi phạm.

- Những trường hợp công chức đề xuất hình thức, mức độ kiểm tra:

+ Đối với những Chi cục Hải quan, nơi máy tính chưa đáp ứng được việc phân luồng tự động thì công chức tiếp nhận hồ sơ căn cứ các tiêu chí về phân loại doanh nghiệp (doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật hải quan, doanh nghiệp nhiều lần vi phạm pháp luật về hải quan), chính sách mặt hàng, thông tin khác... đề xuất hình thức, mức độ kiểm tra và ghi vào ô tương ứng trên Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra (được in sẵn) và chuyển bộ hồ sơ hải quan cùng Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra cho Lãnh đạo Chi cục để xem xét quyết định.

+ Đối với những trường hợp máy tính đã xác định được hình thức, mức độ kiểm tra trên Lệnh nhưng công chức hải quan nhận thấy việc xác định của máy tính là chưa chính xác do có những thông tin tại thời điểm làm thủ tục hệ thống máy tính chưa được tích hợp đầy đủ (lưu ý các thông tin về chính sách mặt hàng và hàng hoá thuộc diện ưu tiên thủ tục hải quan...), xử lý kịp thời thì đề xuất hình thức, mức độ kiểm tra khác bằng cách ghi vào ô tương ứng trên Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra, ghi lý do điều chỉnh vào Lệnh và

chuyển bộ hồ sơ hải quan cùng Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra cho Lãnh đạo Chi cục để xem xét quyết định.

- Kết thúc công việc tiếp nhận, kiểm tra sơ bộ hồ sơ, đăng ký Tờ khai công chức bước 1 in Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra hải quan, ký tên và đóng dấu số hiệu công chức vào ô dành cho công chức bước 1 ghi trên Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra hải quan và ô “cán bộ đăng ký” trên Tờ khai hải quan.

- Chuyển toàn bộ hồ sơ kèm Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra cho Lãnh đạo Chi cục để xem xét, quyết định hình thức, mức độ kiểm tra hải quan và ghi ý kiến chỉ đạo đối với các bước sau (nếu có);

- Lãnh đạo Chi cục quyết định hình thức, mức độ kiểm tra hải quan. Sau khi Lãnh đạo Chi cục quyết định hình thức, mức độ kiểm tra hải quan, hồ sơ được luân chuyển như sau:

* Đối với hồ sơ luồng xanh:

+ Lãnh đạo Chi cục chuyển trả cho công chức bước 1 để ký xác nhận, đóng dấu số hiệu công chức vào ô “xác nhận đã làm thủ tục hải quan” trên tờ khai hải quan (ô 26 trên Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, mẫu HQ2002XK hoặc ô 38 trên Tờ khai hàng hoá nhập khẩu, mẫu HQ2002NK);

+ Sau khi ký, đóng dấu công chức vào ô “xác nhận đã làm thủ tục hải quan” trên tờ khai hải quan, công chức bước 1 chuyển bộ hồ sơ cho bộ phận thu lệ phí hải quan, đóng dấu “đã làm thủ tục hải quan” và trả tờ khai cho người khai hải quan.

* Đối với hồ sơ luồng vàng, luồng đỏ:

+ Lãnh đạo Chi cục chuyển hồ sơ cho công chức bước 2 để kiểm tra chi tiết hồ sơ, giá, thuế.

1.2.1.2. Kiểm tra chi tiết hồ sơ, giá, thuế

Công việc của cán bộ công chức hải quan thực hiện bước này gồm:

- Kiểm tra chi tiết hồ sơ .

- Kiểm tra giá tính thuế, kiểm tra mã số, chế độ, chính sách thuế và tham vấn giá (nếu có) theo quy trình kiểm tra, xác định trị giá tính thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu do Tổng cục Hải quan ban hành;

- Nếu kiểm tra chi tiết hồ sơ thấy phù hợp, thì nhập thông tin chấp nhận vào máy tính và in “chứng từ ghi số thuế phải thu” theo quy định của Bộ Tài chính.

- Kết thúc công việc kiểm tra ở bước 2 nêu trên, Ghi kết quả kiểm tra chi tiết hồ sơ vào Lệnh hình thức mức độ kiểm tra (phần dành cho công chức bước 2) và ghi kết quả kiểm tra việc khai thuế vào tờ khai hải quan (ghi vào ô “phần kiểm tra thuế”), ký tên và đóng dấu số hiệu công chức vào Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra hải quan và vào Tờ khai hải quan. Trường hợp có nhiều công chức hải quan cùng kiểm tra chi tiết hồ sơ thì tất cả các công chức đã kiểm tra phải ký xác nhận vào phần ghi kết quả kiểm tra trên Tờ khai hải quan và trên Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra hải quan theo hướng dẫn của Lãnh đạo Chi cục. Cụ thể như sau:

* Đối với hồ sơ luồng vàng có kết quả kiểm tra chi tiết hồ sơ phù hợp với khai báo của người khai hải quan thì:

+ Ký xác nhận, đóng dấu số hiệu công chức vào ô “xác nhận đã làm thủ tục hải quan” trên Tờ khai hải quan (ô 26 trên Tờ khai hàng hóa xuất khẩu, mẫu HQ2002XK hoặc ô 38 trên Tờ khai hàng hoá nhập khẩu, mẫu HQ2002NK). Trường hợp có nhiều công chức hải quan cùng kiểm tra thì công chức thực hiện kiểm tra cuối cùng hoặc công chức được Lãnh đạo Chi cục phân công, chỉ định ký xác nhận vào ô “xác nhận đã làm thủ tục hải quan” trên Tờ khai hải quan;

+ Chuyển bộ hồ sơ cho bộ phận thu lệ phí hải quan, đóng dấu “đã làm thủ tục hải quan” và trả tờ khai cho người khai hải quan.

* Đối với hồ sơ luồng đỏ có kết quả kiểm tra chi tiết phù hợp với khai báo của người khai hải quan và/ hoặc có vấn đề cần lưu ý thì ghi vào Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra hải quan và chuyển cho công chức bước 3 thực hiện.

* Nếu kiểm tra chi tiết hồ sơ (vàng và đỏ) phát hiện có sự sai lệch, chưa phù hợp, cần điều chỉnh, có nghi vấn, có vi phạm thì đề xuất biện pháp xử lý và chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Chi cục xem xét quyết định:

- + Quyết định thông quan hoặc tạm giải phóng hàng; và/hoặc
- + Kiểm tra lại hoặc thay đổi mức kiểm tra thực tế hàng hoá; và/ hoặc
- + Tham vấn giá; và/ hoặc
- + Trưng cầu giám định hàng hoá; và/hoặc
- + Lập Biên bản chứng nhận/Biên bản vi phạm hành chính về hải quan.

1.2.1.3. Kiểm tra thực tế hàng hoá

Bước này do công chức được phân công kiểm tra thực tế hàng hoá thực hiện. Việc kiểm tra thực tế hàng hoá được thực hiện bằng máy móc, thiết bị như máy soi, cân điện tử ... hoặc kiểm tra thủ công. Việc ghi kết quả kiểm tra thực tế hàng hoá phải đảm bảo rõ ràng, đủ thông tin cần thiết về hàng hoá để đảm bảo xác định chính xác mã số hàng hoá, giá, thuế hàng hoá.

Công việc bước này bao gồm:

- Tiếp nhận văn bản đề nghị của doanh nghiệp về việc điều chỉnh khai báo của người khai hải quan trước khi kiểm tra thực tế hàng hoá, đề xuất trình lãnh đạo Chi cục xem xét, quyết định (nếu có).

- Tiến hành kiểm tra thực tế hàng hoá:

- + Kiểm tra tình trạng bao bì, niêm phong hàng hoá;
- + Kiểm tra thực tế hàng hoá theo hướng dẫn ghi tại Lệnh hình thức, mức độ kiểm tra

- Ghi kết quả kiểm tra thực tế vào Tờ khai hải quan; yêu cầu phải mô tả cụ thể cách thức kiểm tra, mặt hàng thuộc diện kiểm tra, đủ các thông tin cần thiết để xác định mã số phân loại hàng hoá, giá tính thuế và vấn đề liên quan. Ký tên, đóng dấu số hiệu công chức vào ô “phần ghi kết quả kiểm tra của Hải quan” trên Tờ khai hải quan (tất cả các công chức cùng tiến hành kiểm tra thực tế phải ký tên, đóng dấu số hiệu công chức vào ô này).

- Nhập kết quả kiểm tra thực tế vào hệ thống máy tính.

- Xử lý kết quả kiểm tra:

+ Nếu kết quả kiểm tra thực tế hàng hoá phù hợp với khai báo của người khai hải quan thì ký xác nhận, đóng dấu số hiệu công chức vào ô “xác nhận đã làm thủ tục hải quan” trên tờ khai hải quan. Trường hợp, có nhiều công chức cùng tiến hành kiểm tra thực tế hàng hoá thì việc ký xác nhận vào ô “xác nhận đã làm thủ tục hải quan” trên tờ khai hải quan chỉ cần một công chức đại diện ký theo phân công, chỉ định của Lãnh đạo Chi cục.

+ Chuyển bộ hồ sơ cho bộ phận thu lệ phí hải quan, đóng dấu “đã làm thủ tục hải quan” và trả tờ khai cho người khai hải quan.

Nếu kết quả kiểm tra thực tế hàng hoá có sự sai lệch so với khai báo của người khai hải quan thì đề xuất biện pháp xử lý và chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Chi cục để xem xét quyết định:

+ Kiểm tra tính thuế lại và ra quyết định điều chỉnh số thuế phải thu; và/ hoặc

+ Lập Biên bản chứng nhận/Biên bản vi phạm; và/ hoặc

+ Quyết định thông quan hoặc tạm giải phóng hàng.

1.2.1.4. Thu lệ phí hải quan, đóng dấu “đã làm thủ tục hải quan” và trả tờ khai cho người khai hải quan

Cán bộ hải quan thực hiện bước này cần thực hiện những công việc như sau:

- Kiểm tra biên lai thu thuế, bảo lãnh của Ngân hàng/Tổ chức tín dụng về số thuế phải nộp đối với hàng phải nộp thuế ngay;

- Thu lệ phí hải quan;

- Đóng dấu “Đã làm thủ tục hải quan” (mẫu số 3 ban hành kèm theo Quyết định 120/2001/QĐ-TCHQ ngày 23.11.2001) vào góc bên phải, phía trên mặt trước của Tờ khai hải quan (đóng đê lên ký hiệu tờ khai HQ/2002-NK hoặc HQ/2002-XK);

- Vào sổ theo dõi và trả Tờ khai hải quan cho người khai hải quan;

- Bàn giao hồ sơ cho bộ phận phúc tập theo mẫu Phiếu tiếp nhận, bàn giao hồ sơ hải quan ban hành kèm theo quy trình này (mẫu 02: PTN-BGHS/2006).

1.2.1.5. Phúc tập hồ sơ

- Nhận hồ sơ hải quan từ bộ phận thu lệ phí hải quan;

- Phúc tập hồ sơ theo quy trình phúc tập hồ sơ do Tổng cục Hải quan ban hành.

1.2.2. Quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định cho dự án đầu tư thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu

Theo quy định tại thông tư 59/2007/TT-BTC, thiết bị, máy móc tạo tài sản cố định của các dự án khuyến khích đầu tư (được quy định tại Danh mục A hoặc B Phụ lục I hoặc Phụ lục II ban hành kèm theo nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ - xem phụ lục), thì thuộc đối tượng được miễn thuế nhập khẩu.

Với đối tượng thiết bị, máy móc này, trước khi làm thủ tục hải quan nhập khẩu, doanh nghiệp cần phải đăng ký danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế cho cả dự án đầu tư hoặc từng giai đoạn thực hiện dự án từng hạng mục công trình của dự án với Cục hải quan địa phương (trường hợp Cục hải quan địa phương ủy quyền cho Chi cục hải quan đăng ký danh mục hàng hóa

nhập khẩu miễn thuế thì phải ký thừa ủy quyền và phải đóng dấu Cục hải quan như quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 8/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư).

Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Công văn kèm danh mục hàng miễn thuế của doanh nghiệp đề nghị đăng ký danh mục hàng nhập khẩu tạo tài sản cố định miễn thuế nhập khẩu của dự án đầu tư.

- Bản cam kết sử dụng đúng mục đích được miễn thuế của người nộp thuế.

- Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư (bản sao); xuất trình bản chính để đối chiếu.

- Luận chứng kinh tế kỹ thuật của dự án đầu tư (bản sao); xuất trình bản chính để đối chiếu.

Sau khi đã đăng ký danh mục hàng miễn thuế, quy trình thủ tục hải quan được cơ quan hải quan tiến hành theo 5 bước như đối với thiết bị, máy móc tạo tài sản cố định cho dự án đầu tư không thuộc đối tượng miễn thuế (như đã nêu ở mục 2.3.1), tuy nhiên cần lưu ý một số điểm như sau:

- Khi thực hiện bước thứ 2, tức là bước kiểm tra chi tiết hồ sơ, giá, thuế, cán bộ công chức hải quan thực hiện các thủ tục miễn thuế theo quy định, cụ thể như sau:

+ Kiểm tra khai báo của người nộp thuế và đối chiếu với các quy định hiện hành để làm thủ tục miễn thuế.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ cơ quan hải quan phải thông báo cho người nộp thuế để hoàn chỉnh hồ sơ hoặc trả lời lý do không thuộc đối tượng được miễn thuế.

+ Trường hợp hồ sơ không thuộc đối tượng miễn thuế, cơ quan

hải quan nơi làm thủ tục hải quan tính thuế, thông báo lý do và số tiền thuế phải nộp cho người nộp thuế và xử phạt theo qui định hiện hành.

+ Trường hợp đúng đối tượng, hồ sơ đầy đủ, chính xác, thì thực hiện miễn thuế trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ và ghi rõ trên Tờ khai hải quan gốc lưu tại đơn vị và Tờ khai hải quan gốc do người nộp thuế lưu: "Hàng hoá được miễn thuế theo điểm... Mục... Phần... Thông tư số... ngày... tháng... năm... của Bộ Tài chính".

- Khi doanh nghiệp đã nhập khẩu hết lượng hàng hóa ghi trên danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế đã đăng ký, Chi cục hải quan làm thủ tục nhập khẩu cho lô hàng cuối cùng xác nhận “đã nhập khẩu hết hàng hóa” lên Phiếu theo dõi trừ lùi (bản doanh nghiệp xuất trình); doanh nghiệp gửi 1 bản sao phiếu này cho Cục hải quan nơi đăng ký danh mục và cấp phiếu theo dõi trừ lùi để theo dõi.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THỰC HIỆN QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU MÁY MÓC, THIẾT BỊ ĐỂ TẠO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

2.1. Đánh giá tổng quan tình hình ảnh hưởng của các nhân tố môi trường đến hoạt động triển khai quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư.

2.1.1. Các nhân tố bên trong

** Hệ thống tổ chức, con người*

Thời gian qua, Tổng Cục hải quan đã tổ chức thường xuyên các khoá đào tạo tại cơ quan Tổng cục và các Cục Hải quan địa phương... cho nhiều loại đối tượng cán bộ công chức để cập nhật nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức chuyên sâu, cũng như các kiến thức phụ trợ khác, nên đa số cán bộ công chức hải quan thực hiện quy trình thủ tục đã được đào tạo chuyên sâu về chuyên môn nghiệp vụ, chuyên nghiệp có tinh thần phục vụ văn minh lịch sự, có kỷ luật, phẩm chất đạo đức tốt.

Tuy nhiên, hiện nay đội ngũ cán bộ hải quan đang rất cần được trẻ hóa, bởi đa số cán bộ đã lớn tuổi, và điều đó ảnh hưởng không nhỏ tới khả năng tiếp cận công nghệ thông tin, xử lý các thông tin trên máy tính.

Thêm vào đó, trình độ ngoại ngữ, tin học của đa số cán bộ còn yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế đổi mới, hiện đại hóa thủ tục hải quan.

** Các công cụ hỗ trợ*

Mỗi cán bộ công chức thực hiện quy trình thủ tục hải quan đều được trang bị máy tính, máy in và các phần mềm hỗ trợ công tác. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại tình trạng máy móc thiết bị không đồng bộ, nhiều máy chủ còn qua tải do cấu hình thấp.

Phần mềm hệ thống khai báo từ xa chưa ổn định, thiếu tính đồng bộ, chưa được phổ biến đến doanh nghiệp gây ảnh hưởng không nhỏ đến công tác thực hiện khai báo từ xa.

Hệ thống truyền, nhận thông tin có tốc độ quá chậm do phải tải nhiều phần mềm cùng một lúc hoặc do cấu hình quá cũ dẫn đến tình trạng thất lạc dữ liệu trong quá trình truyền, nhận hoặc xảy ra sự cố quá tải.

2.1.2. Nhân tố bên ngoài

Do hiện nay quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu đối với thiết bị, máy móc tạo tài sản cố định cho dự án đầu tư đã áp dụng hình thức khai báo từ xa, nên đòi hỏi các doanh nghiệp nhập khẩu phải đầu tư trang thiết bị, phần mềm để kết nối với cơ quan hải quan. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều doanh nghiệp vẫn chưa đầu tư được trang thiết bị đảm bảo yêu cầu kết nối với cơ quan hải quan, gây khó khăn trở ngại, chậm tiến độ thực hiện thông quan hàng hóa.

Bên cạnh đó, nhân viên làm về thủ tục hải quan của doanh nghiệp còn thiếu kinh nghiệm, việc cập nhật thông tin hệ thống văn bản còn hạn chế, dẫn tới tình trạng khai báo thủ tục hải quan còn sai, thiếu.

Nhiều doanh nghiệp thường ủy quyền cho một đơn vị làm công tác khai báo hải quan, tuy nhiên đơn vị dịch vụ này không nắm được về thực tế hàng hóa, dẫn tới việc truyền đạt thông tin của cơ quan hải quan với người khai hải quan chưa thực sự đảm bảo khách quan.

Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp mua máy móc, thiết bị theo hệ thống dây chuyền, có thể nhập khẩu nhiều lần trong một thời gian dài (do việc lắp đặt máy móc mất nhiều thời gian) nên không nắm rõ một cách hệ thống quy trình thực tế lắp đặt hàng hóa, việc lắp đặt lại do chuyên gia nước ngoài đảm nhiệm. Do đó, khi phát hiện ra sai sót trong khai báo, thì lại yêu cầu được bổ sung trong khi đã khai với cán bộ hải quan và cán bộ hải quan đã tiến hành làm thủ tục.

2.2. Thực trạng quá trình triển khai quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại Tổng Cục hải quan

2.2.1. Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra sơ bộ, đăng ký tờ khai, quyết định hình thức, mức độ kiểm tra

Hồ sơ hải quan mà doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư phải nộp cho cơ quan Hải quan khi làm thủ tục cũng giống như tất cả các loại mặt hàng khác, tức là bao gồm:

- Tờ khai hải quan: 02 bản chính;
- Hợp đồng mua bán hàng hoá hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương hợp đồng: 01 bản sao;
- Hóa đơn thương mại: 01 bản chính, và 01 bản sao;
- Vận tải đơn: 01 bản sao chụp từ bản gốc hoặc bản chính của các bản vận tải đơn có ghi chữ copy.

Tuy nhiên, theo các ý kiến tham gia phỏng vấn và các thông tin thu thập được, trên thực tế, do mặt hàng thiết bị, máy móc tạo tài sản cố định của dự án đầu tư thường thuộc đối tượng được miễn thuế và nhiều ưu đãi khác (do hầu hết các dự án đầu tư đều được các địa phương có chính sách ưu tiên, khuyến khích), nên bộ hồ sơ chứng từ cần chuẩn bị, nộp cho cơ quan hải quan của các doanh nghiệp nhập khẩu mặt hàng này thường phức tạp hơn so với các mặt hàng khác. Cụ thể, ngoài các chứng từ đã nêu ở trên, doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư thuộc đối tượng miễn thuế cần phải nộp thêm các giấy tờ sau:

- Công văn kèm danh mục hàng miễn thuế của doanh nghiệp đề nghị đăng ký danh mục hàng nhập khẩu tạo tài sản cố định miễn thuế nhập khẩu của dự án đầu tư, cam kết sử dụng đúng mục đích.

- Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư (bản sao); xuất trình bản chính để đối chiếu.

- Phiếu theo dõi, trừ lùi hàng hóa nhập khẩu miễn thuế thực hiện theo Mẫu.

Điều đó dẫn đến việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ của cán bộ hải quan khó khăn hơn, đòi hỏi tinh thần trách nhiệm và ý thức làm việc của cán bộ hải quan phải cao hơn.

Các ý kiến cho biết, hiện nay đối với mặt hàng thiết bị, máy móc tạo tài sản cố định của dự án đầu tư, việc tiếp nhận hồ sơ, khai báo hải quan hầu hết được thực hiện thông qua khai báo từ xa. Điều này cũng được minh chứng qua các số liệu thực tế:

Bảng 1. Tỷ lệ phần trăm số tờ khai từ xa của doanh nghiệp nhập khẩu máy móc thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư

Năm	Tổng số tờ khai đã đăng ký	Tổng số tờ khai thực hiện khai hải quan từ xa	Tỷ lệ %
2007	40.350	20.540	50.9%
2008	44.650	24.559	55%

Nguồn: Vụ giám sát quản lý – Tổng Cục Hải Quan

Đối với việc áp dụng khai báo từ xa, doanh nghiệp có thể khai báo từ nhà bộ hồ sơ nhập khẩu bằng dữ liệu điện tử rồi truyền đến cơ quan hải quan. Doanh nghiệp có thể lựa chọn 3 hình thức (3 phần mềm) như khai qua phần mềm của hải quan được cung cấp miễn phí cho doanh nghiệp hay qua trang web của cục hoặc phần mềm của chính doanh nghiệp viết theo những tiêu chí của hải quan, sau đó dùng đường truyền Internet chuyển đến cơ quan hải quan. Do đó, doanh nghiệp có thể rút ngắn được thời gian tiếp nhận hồ sơ,

tiết kiệm được thời gian đi lại và chi phí, đồng thời tránh được sự gây phiền hà, sách nhiễu từ phía cán bộ hải quan.

Tuy nhiên, các ý kiến cũng cho biết, tỷ lệ khai báo từ xa đối với mặt hàng này tuy cao nhưng lại phân bố không đồng đều giữa các địa phương, có địa phương tỷ lệ này là rất cao nhưng có địa phương tỷ lệ lại rất thấp, thậm chí có nơi chưa áp dụng phương pháp này. Cụ thể, ta có bảng số liệu năm 2008 tại các địa phương như sau:

Bảng 2. Tỷ lệ số tờ khai từ xa của các địa phương năm 2008

STT	Tên hải quan	Tỷ lệ phần trăm số tờ khai từ xa/tổng số tờ khai (%)
1	Thành phố Hà Nội	97,7
2	Thành phố Hồ Chí Minh	29,2
3	Thành phố Hải Phòng	97,6
4	Cục hải quan Hà Giang	1,0
5	Cục hải quan Cao Bằng	12,4
6	Cục hải quan Điện Biên	0,0
7	Cục hải quan Lào Cai	88,4
8	Cục hải quan Lạng Sơn	60,0
9	Cục hải quan Quảng Ninh	15,0
10	Cục hải quan Thanh Hóa	30,0
11	Cục hải quan Nghệ An	34,2
12	Cục hải quan Hà Tĩnh	0,0
13	Cục hải quan Quảng Bình	23,5
14	Cục hải quan Quảng Trị	80,0
15	Cục hải quan Thừa Thiên Huế	79,8
16	Thành phố Đà Nẵng	82,0

17	Cục hải quan Quảng Ngãi	89,3
18	Cục hải quan Bình Định	30,0
19	Cục hải quan Gia Lai	71,0
20	Cục hải quan Đắk Lắk	51,5
21	Cục hải quan Khánh Hòa	0,3
22	Cục hải quan Bình Dương	99,0
23	Cục hải quan Tây Ninh	98,3
24	Cục hải quan Đồng Nai	100,0
25	Cục hải quan Long An	28,8
26	Cục hải quan Đồng Tháp	50,0
27	Cục hải quan An Giang	43,0
28	Cục hải quan Bà Rịa – Vũng Tàu	98,8
29	Cục hải quan Tiền Giang	2,6
30	Thành phố Cần Thơ	83,7
31	Cục hải quan Cà Mau	72,8
32	Cục hải quan Quảng Nam	30,0
33	Cục hải quan Bình Phước	100,0

Nguồn: Cục CNTT-TKHQ Tổng Cục hải quan

Theo các ý kiến cho biết, nguyên nhân của tình trạng trên có thể là:

- Thứ nhất, những doanh nghiệp cần nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại địa phương đó thường tập trung ở địa điểm gần với cơ quan hải quan nơi làm thủ tục.

- Thứ hai, tại một số địa phương, trang thiết bị máy móc không đủ để triển khai khai báo từ xa, hoặc trang thiết bị, phần mềm yếu kém, quá tải, hay xảy ra lỗi hệ thống, đường truyền kết nối chậm, gây phiền hà, mất thời gian

cho công tác làm thủ tục nên doanh nghiệp không thực hiện khai báo từ xa mà đến tận nơi để khai báo hải quan.

- Thứ ba, có thể do cơ quan hải quan tại địa phương chưa chú trọng phổ biến những lợi ích của khai báo từ xa đến doanh nghiệp.

Theo như các ý kiến phỏng vấn cùng các số liệu thu thập được, thiết bị, máy móc tạo tài sản cố định của dự án đầu tư thường được phân vào hàng hóa luồng xanh khi thông quan (chiếm 85%), chỉ có 10% thuộc luồng vàng và 5% thuộc luồng đỏ.

Lý giải về điều này, các ý kiến cho biết, đó là do mặt hàng máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư thường là hàng hóa được Nhà nước nói chung và chính quyền các địa phương nói riêng rất khuyến khích, được hưởng nhiều ưu đãi ví dụ như ưu đãi về thuế.

Việc phân luồng hiện nay được thực hiện bằng hệ thống máy tính dựa trên hệ thống quản lý rủi ro, nên chủ yếu là khách quan, chính xác. Tuy nhiên, vẫn xuất hiện những sai sót từ phần mềm hệ thống, khiến trong một số trường hợp doanh nghiệp thắc mắc tại sao cùng một loại hàng hóa, lúc bị phân vào lô xanh, lúc lại bị phân vào lô vàng. Cơ quan hải quan đã không thể trả lời thấu đáo cho doanh nghiệp mà chỉ có thể nói “do máy xác định như vậy”.

Theo ý kiến các vị lãnh đạo tham gia phỏng vấn, bước 1 trong quy trình thủ tục hải quan hiện tại vẫn còn tồn tại nhiều bất cập như công tác thủ công còn chiếm đa số, hệ thống công nghệ thông tin chưa hoàn chỉnh dẫn tới việc một số công tác mặc dù phải tiến hành bằng máy nhưng cán bộ công chức hải quan vẫn phải thực hiện thủ công, gây ra nhiều sai sót; một vấn đề cơ bản vẫn chưa được sửa đổi, đó là quy định tỉ lệ kiểm tra 5%, 10%, 100%, khiến khó khăn cho cả doanh nghiệp và hải quan. Nếu tỉ lệ kiểm tra 5% nhưng phải lôi hết hàng trong container ra rồi chọn 5% để kiểm thì có khác nào kiểm tra 100%.

2.2.2. Kiểm tra chi tiết hồ sơ, giá, thuế

Công tác kiểm tra chi tiết hồ sơ hải quan tuy đã được cải thiện hơn trước nhưng vẫn là kiểm tra thủ công nên không thể tránh khỏi sự chủ quan trong kết quả, sự chậm trễ trong tiến độ. Thêm vào đó, do việc xác định có kiểm tra chi tiết hồ sơ hay không mặc dù dựa vào ý thức chấp hành pháp luật tốt hay không tốt của doanh nghiệp nhập khẩu (được theo dõi và ghi lại trong các biên bản đánh giá ý thức chấp hành pháp luật của doanh nghiệp) nhưng trên thực tế vẫn phụ thuộc nhiều vào sự chủ quan của cán bộ hải quan. Điều đó tạo cơ hội cho một bộ phận cán bộ hải quan sách nhiễu, gây phiền hà, mất thời gian cho doanh nghiệp.

Theo ý kiến đóng góp của các vị lãnh đạo Vụ giám sát quản lý, nghiệp vụ kiểm tra chi tiết hồ sơ ở bước 2 này bị chòng chéo lên nghiệp vụ kiểm tra sơ bộ ở bước thứ 1, cụ thể:

- + Kiểm tra sơ bộ: Áp dụng cho toàn bộ hồ sơ thuộc các luồng xanh, vàng, đỏ để đăng ký tờ khai.

- + Kiểm tra chi tiết: áp dụng cho hồ sơ luồng vàng, đỏ.

Như vậy, việc kiểm tra hồ sơ đối với luồng vàng và đỏ phải thực hiện 2 lần.

Do máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư hầu hết đều thuộc đối tượng được miễn thuế nên số trường hợp phải kiểm tra, khai giá thuế là không nhiều (chỉ dưới 30%). Đối với số ít các trường hợp phải xác định lại trị giá tính thuế của mặt hàng máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư, cán bộ hải quan vẫn tiến hành các bước như đối với các hàng hoá nhập khẩu thương mại khác (được quy định tại thông tư 40/2008/TT-BTC).

Việc tham vấn, xác định trị giá tính thuế đối với mặt hàng máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư hiện nay được đánh giá là đạt yêu cầu, đặc biệt là công tác tham vấn đối với mặt hàng này thời gian gần đây đã được cải thiện rõ rệt:

Bảng 3: Số liệu công tác tham vấn đối với mặt hàng máy móc thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư

Đơn vị tính: triệu USD

Năm	Số thuế điều chỉnh tăng do tham vấn
2006	1,024
2007	1,536
2008	2,630

Nguồn: Vụ kiểm tra thu thuế XNK – TCHQ

Tuy nhiên công tác xác định trị giá tính thuế đối với mặt hàng này vẫn còn tồn tại một số bất cập như:

- Chưa áp dụng đúng trình tự, nguyên tắc và các phương pháp xác định giá tính thuế, nhất là phương pháp 6 (phương pháp suy luận).
- Xác định chỉ mang tính hình thức, đối phó, chưa chủ động sáng tạo, nên đã dẫn đến tình trạng một số trường hợp đã bác bỏ được trị giá khai báo nhưng lại gặp khó khăn trong việc xác định giá tính thuế.

Theo các ý kiến, một phần là do thông tin dữ liệu giá của mặt hàng này trên hệ thống GTT22 chưa phong phú, đầy đủ, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, tuy nhiên, phần lớn nguyên nhân của các bất cập này là do sự yếu kém về trình độ chuyên môn, sự tắc trách của một bộ phận cán bộ làm công tác giá.

Do mặt hàng máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư hầu hết đều thuộc đối tượng được miễn thuế nên công chức hải quan làm thủ tục nhập khẩu mặt hàng này thường phải tiến hành quy trình xét miễn giảm thuế.

Việc thực hiện xét duyệt này thực hiện hoàn toàn thủ công, mất khá nhiều thời gian và đôi khi còn mang nặng tính chủ quan. Điều đó cũng gây ra một số trường hợp doanh nghiệp thông đồng với cán bộ hải quan để trốn thuế, giảm thuế.

Ta có bảng số liệu các vụ doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư thông đồng với cơ quan hải quan để trốn thuế bị phát hiện thời gian gần đây:

Bảng 4: Số vụ trốn thuế bị phát hiện

Năm	Số vụ trốn thuế bị phát hiện
2006	120
2007	152
2008	169

Nguồn: Vụ pháp chế - TCHQ

Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận rằng, ý thức trách nhiệm kỷ luật của cán bộ hải quan đã được nâng lên rất nhiều, thể hiện qua số vụ việc thất thoát thuế của Nhà nước giảm đi rõ rệt.

Bảng 5: Số thuế thực thu đối với máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư

Năm	Số thuế thực thu
2006	2,473
2007	3,667
2008	5,811
Tổng cộng	11,951

Nguồn: Cục CNTT - TKHQ

2.2.3. Kiểm tra thực tế hàng hóa

Việc kiểm tra thực tế máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư bao gồm kiểm tra chủng loại, số lượng, chất lượng, sự phù hợp,.....

Đa số máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư đều thuộc diện miễn kiểm tra chi tiết hàng hoá, nên số lượng trường hợp cán bộ hải quan phải kiểm tra chi tiết mặt hàng này là ít.

Các ý kiến cho biết, trên thực tế, máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định mà các doanh nghiệp nhập về có đến 92% là nhập về dưới dạng cả một dây chuyền sản xuất và khi nhập khẩu, doanh nghiệp sẽ phải tháo rời từng linh kiện, máy móc, thiết bị. Điều đó đòi hỏi trong công tác kiểm tra chi tiết đối với mặt hàng này, cán bộ hải quan buộc phải xác định được các linh kiện, máy móc đã tháo rời đó có đồng bộ, cùng một dây chuyền hay không? Đây là một khó khăn rất lớn cho cán bộ hải quan thực hiện công tác này, bởi trình độ hiểu biết về máy móc, kỹ thuật của cán bộ hải quan còn yếu.

Đây chính là điểm bất cập nhất trong công tác kiểm tra chi tiết hàng hóa đối với máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định hiện nay, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có cơ hội lách luật, qua mặt cơ quan hải quan, nhập khẩu hàng hoá không đúng mục đích sử dụng như đã khai báo, lợi dụng các chính sách ưu tiên đối với mặt hàng máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.

Một bất cập nữa trong quy trình này đó là không tách bạch được sự khác nhau giữa việc kiểm tra thực tế luồng xanh và luồng vàng, cụ thể:

+ Kiểm tra xác suất 10%: Đối với hàng hóa được miễn kiểm tra thực tế (hồ sơ luồng xanh, vàng) nhưng cơ quan hải quan phát hiện có dấu hiệu vi phạm;

+ Kiểm tra xác suất 5%: Để đánh giá việc chấp hành pháp luật hải quan của chủ hàng (tối đa không quá 5% tổng số tờ khai thuộc luồng xanh, vàng).

Như vậy, việc kiểm tra thực tế đối với hồ sơ chuyển từ luồng xanh và vàng đều bị áp dụng mức độ kiểm tra là 5% hoặc 10%. Điều đó gây ra sự bất bình trong doanh nghiệp.

Hiện nay, công tác kiểm tra thực tế hàng hóa đối với mặt hàng máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư vẫn được thực hiện hoàn toàn thủ công, tạo ra kẽ hở không nhỏ để các cán bộ hải quan nhũng nhiễu, gây phiền hà, tốn kém thời gian và chi phí của doanh nghiệp, mặt khác, tạo cơ hội cho doanh nghiệp mua chuộc, thông đồng với cán bộ hải quan để trốn thuế, nhập hàng không đúng mục đích.

Tuy nhiên, vẫn phải thừa nhận một thực tế rằng, công tác này hiện nay đã được cán bộ hải quan thực hiện nghiêm túc hơn, ý thức, trách nhiệm và trình độ của cán bộ hải quan làm công tác đã được cải thiện qua từng năm. Điều đó thể hiện ở số trường hợp gian lận bị phát hiện chuyển trả về các bước trước để xác định lại tăng lên theo từng năm:

Bảng 6: Số trường hợp phát hiện sai phạm trong khâu kiểm tra chi tiết hàng hóa

Năm	Số trường hợp phát hiện sai phạm
2006	560
2007	890
2008	1.240

Nguồn: Vụ pháp chế - TCHQ

2.2.4. Thu lệ phí hải quan, đóng dấu “đã làm thủ tục hải quan” và trả tờ khai hải quan cho người khai hải quan:

Công tác này hiện nay được thực hiện với mặt hàng máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tuy hoàn toàn thủ công, nhưng được đánh giá là khá tốt.

Tuy nhiên, do vẫn làm thủ công nên không thể tránh khỏi sự chậm trễ trong tiến độ công việc, sự sai sót trong quá trình làm việc. Những điều này chỉ khắc phục được hoàn toàn khi áp dụng quy trình thủ tục hải quan điện tử toàn bộ.

2.2.5. Phúc tập hồ sơ

Theo các ý kiến, hồ sơ hải quan đối với hàng hoá nhập khẩu thương mại nói chung và mặt hàng máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư hiện nay còn nặng nề, nhiều nội dung trùng lặp gây khó khăn cho cả doanh nghiệp và những cán bộ hải quan trong lưu trữ hồ sơ.

Tại một số địa phương lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng,... công tác phúc tập hồ sơ được thực hiện khá tốt, tuy nhiên, tại những địa phương nhỏ, đặc biệt là các địa phương ở vùng xa, một phần do cơ sở vật chất yếu kém, một phần do trình độ cán bộ hải quan còn yếu, nên công tác phúc tập hồ sơ chưa được thực hiện tốt.

Công tác phúc tập hồ sơ trong quy trình thủ tục hải quan này chủ yếu để phục vụ cho công tác kiểm tra sau thông quan, và với mặt hàng máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư thì công tác này là đặc biệt quan trọng, vì đây là mặt hàng được hưởng nhiều ưu đãi, đặc biệt là ưu đãi về thuế, dẫn tới tình trạng các doanh nghiệp lợi dụng để gian lận thương mại, nhập hàng về sử dụng không đúng mục đích là rất lớn.

Tuy nhiên, trên thực tế, đối với mặt hàng máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư, quá trình phúc tập hồ sơ của cơ quan hải quan vẫn chủ yếu chỉ mang tính chất sắp xếp lại hồ sơ, do đó không giúp ích được nhiều cho công tác kiểm tra sau thông quan.

Tuy nhiên, cũng theo các ý kiến không thể phủ nhận sự làm việc khoa học, có hiệu quả hơn trong quy trình này của cán bộ hải quan, điều đó được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 7: Tổng kết quá trình phức tập hồ sơ hải quan nhập khẩu máy móc thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư

Năm	Tổng số hồ sơ đã phức tập	Số tiền truy thu qua phức tập (tỷ đồng)	Số tiền truy hoàn qua phức tập (triệu đồng)
2006	302	1,2	40,5
2007	520	3,4	52,46
2008	756	6,8	68,53

Nguồn: Cục CNTT- TKHQ

Như vậy, nhìn chung, quy trình nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư đã được cải tiến nhiều hơn so với quy trình cũ là quy trình 1951, sửa đổi theo hướng cải cách thủ tục hành chính, nâng cao vai trò, trách nhiệm của từng công chức hải quan trong khi thừa hành nhiệm vụ đồng thời ứng dụng mạnh mẽ những nguyên tắc, phương pháp quản lý hải quan hiện đại, tạo thuận lợi cho hoạt động nhập khẩu. Về cơ bản, quy trình thủ tục hải quan mới ngắn gọn, khoa học hơn, minh bạch hoá trách nhiệm, quyền hạn của từng công chức hải quan. Quy trình đã rút ngắn thời gian làm thủ tục hải quan, tạo thông thoáng mà vẫn chặt chẽ trong quản lý đối với mặt hàng thiết bị, máy móc tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.

Bảng 8: Thời gian thông quan đối với việc nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư

Năm	2006	2007	2008
Luồng xanh	10-15 phút	15-20 phút	20-25 phút
Luồng vàng	20-30 phút	30-35 phút	35-40 phút
Luồng đỏ	90-120 phút	120-130 phút	130-135 phút

Nguồn : Cục CNTT-TKHQ

Các ý kiến cũng cho biết, tạo một số địa phương (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai....) đã áp dụng thí điểm thủ tục hải quan điện tử, nếu doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư có yêu cầu, thì hải quan địa phương sẽ tiến hành thông quan điện tử.

Với việc thực hiện thông quan điện tử, số lượng giấy tờ phải nộp/xuất trình giảm; mức độ tự động hóa đã được cải thiện qua việc đưa vào hệ thống một số bộ danh mục chuẩn hóa, áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro ngày một sâu rộng.

Thông qua việc áp dụng thủ tục hải quan điện tử, cơ quan Hải quan đã hỗ trợ cho doanh nghiệp trong việc khai báo, thông quan hàng hóa nhanh chóng; số liệu giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp được thống nhất; bảng biểu thanh lý hàng hóa xuất nhập khẩu giảm; thông tin toàn bộ quá trình thông quan được quản lý trong hệ thống, có thể kiểm soát và kiểm tra bất cứ lúc nào; thông quan thủ tục hải quan điện tử doanh nghiệp cũng nắm được quá trình thông quan hàng hóa.

Tuy nhiên, thủ tục hải quan điện tử vẫn còn tồn tại nhiều điểm bất cập như:

- Trong thủ tục hải quan điện tử vẫn còn trường hợp phải thông quan hàng trên cơ sở sử dụng tờ khai điện tử in ra giấy, có chữ ký và dấu của doanh nghiệp và Chi cục Hải quan điện tử. Nguyên nhân là do Việt Nam chưa có cơ chế công nhận chữ ký điện tử và chứng từ điện tử chuyển hóa từ chứng từ giấy.

- Một số nghiệp vụ quản lý hải quan chưa được điện tử hóa, tự động hóa khiến cho quy trình thủ tục hải quan điện tử còn có nhiều yếu tố thủ công, do đó sự can thiệp của công chức hải quan vào quá trình làm thủ tục còn tương đối nhiều.

- Quy trình thủ tục hải quan điện tử và thủ tục hải quan thủ công truyền thống còn có những điểm chưa tương đồng nên việc phối hợp quản lý giữa các Chi cục Hải quan với nhau còn chưa ổn định, gây ra một số phiền hà cho doanh nghiệp khi làm thủ tục hải quan.

- Phần mềm công nghệ thông tin phục vụ thủ tục hải quan điện tử vẫn còn trong quá trình hoàn thiện nên có một số chức năng chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục hải quan, chưa bảo đảm được cho việc triển khai mở rộng thủ tục điện tử ở cấp vùng hoặc cao hơn là cấp quốc gia.

- Dịch vụ giá trị gia tăng trong giao dịch điện tử C-VAN còn chưa ổn định, có trường hợp đã khiến cho tờ khai hải quan điện tử bị mắc, không truyền được đến hệ thống của cơ quan hải quan.

2.3 Đánh giá tổng quan tình hình thực hiện quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư.

2.3.1 Những thành công

- Thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư đã được cải cách thông thoáng hơn nhưng vẫn chặt chẽ về mặt

quản lý, thời gian làm thủ tục, chi phí đều đã giảm, tạo thuận lợi cho hoạt động nhập khẩu.

- Quy trình thủ tục hải quan ngắn gọn, khoa học hơn, minh bạch hoá trách nhiệm, quyền hạn của từng công chức hải quan.

- Số lượng doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư thực hiện khai báo từ xa đã tăng lên đáng kể, đạt hiệu quả cao.

- Việc phân luồng hồ sơ được thực hiện bằng hệ thống máy tính nên nhìn chung là nhanh chóng và khách quan hơn.

- Công tác tham vấn, xác định lại trị giá tính thuế được cải thiện rõ rệt.

- Số vụ vi phạm, gian lận, nhập sai hàng hoá bị phát hiện qua công tác kiểm tra chi tiết hàng hoá tăng lên theo các năm.

- Các thắc mắc của doanh nghiệp đã được cơ quan hải quan trả lời tương đối thấu đáo.

- Thái độ và phương pháp làm việc của cơ quan hải quan có nhiều tiến bộ.

- Vai trò, trách nhiệm của từng công chức hải quan trong khi thừa hành nhiệm vụ được nâng cao.

2.3.2 Những tồn tại

- Thiếu sự thống nhất các quy trình làm thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại tất cả các Chi cục trên toàn quốc.

- Quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư về cơ bản vẫn là một quy trình thủ công, mặc dù có ứng dụng công nghệ thông tin ở một số công đoạn nhưng còn thiếu đồng bộ và chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Tỷ lệ khai báo từ xa của các doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư phân bổ không đồng đều giữa các địa phương, có nơi tỷ lệ này rất thấp hoặc chưa thực hiện.

- Xảy ra tình trạng chông chéo nghiệp vụ giữa bước 1 và bước 2.

- Tỷ lệ hàng thực kiểm còn lớn và kiểm hóa thủ công tạo ra các kẽ hở để cán bộ công chức hải quan nhũng nhiễu gây phiền hà cho doanh nghiệp.

- Thời gian thông quan còn tương đối dài ở các khâu thông quan như tiếp nhận tờ khai, kiểm tra sơ bộ, kiểm tra tính thuế, kiểm tra hàng hóa.

- Việc xác định trị giá tính thuế đối với mặt hàng này còn mang nặng tính hình thức, đối phó.

- Đa số máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư đều thuộc đối tượng được miễn giảm thuế, tuy nhiên, việc xét miễn giảm thuế vẫn thực hiện thủ công mang nặng tính chủ quan, tạo kẽ hở cho gian lận thương mại.

- Cán bộ hải quan gặp khó khăn rất lớn trong việc xác định sự đồng bộ, phù hợp của các thiết bị máy móc khi đã tháo rời để nhập khẩu cả dây chuyền trong khâu kiểm tra thực tế hàng hoá đối với mặt hàng này.

- Quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư chưa tách bạch được việc kiểm tra thực tế hàng hoá đối với hàng hoá luồng xanh và luồng vàng.

- Công tác phức tạp hồ sơ mặt hàng này chưa được chú trọng, không giúp ích được nhiều cho quy trình kiểm tra sau thông quan.

- Bộ hồ sơ hải quan cần nộp của doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư còn phức tạp.

2.3.3 Nguyên nhân:

2.3.3.1. Nguyên nhân khách quan

- Nhiều doanh nghiệp chưa thực sự nhận thức được lợi ích của chương trình khai báo từ xa đối với việc làm thủ tục hải quan.

- Mặt hàng máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư là một mặt hàng khá nhạy cảm, được hưởng nhiều ưu đãi của nhà nước, do đó nhiều doanh nghiệp thường lợi dụng mặt hàng này để trốn thuế.

- Một số văn bản quy định về quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư còn chưa minh bạch, rõ ràng, dẫn đến khó khăn cho doanh nghiệp khi nghiên cứu và thực hiện: ví dụ quy định về xuất xứ hàng hóa, xác định trị giá hải quan;....

- Đánh giá chung kết quả của việc thực hiện cho thấy, về khung pháp lý liên quan đến quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư, tình trạng có quá nhiều văn bản thiếu đồng bộ, mâu thuẫn và chồng chéo do các Bộ, ngành và Tổng cục Hải quan ban hành là một trong những khó khăn khách quan lớn nhất đối với việc thực thi quy trình thủ tục tại cửa khẩu.

2.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Hệ thống quy trình thủ tục, yêu cầu về hồ sơ còn phức tạp và nặng về phương pháp quản lý thủ công, dẫn đến sự can thiệp của công chức hải quan vào việc thực hiện quy trình còn khá lớn.

- Tư tưởng một số lãnh đạo, công chức còn thụ động với công việc còn đặt nặng yếu tố khách quan mà chưa thực sự tự hỏi mình đã làm hết trách nhiệm do lãnh đạo giao phó hay chưa?

- Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ tác nghiệp còn thiếu đồng bộ.

- Chất lượng đường truyền của cơ quan hải quan không ổn định, chưa có phương án dự phòng khi phát sinh sự cố.

- Cơ quan hải quan chưa có biện pháp hữu hiệu nhằm đẩy mạnh việc khai báo từ xa của doanh nghiệp.

- Trình độ chuyên môn của cán bộ hải quan còn yếu, thường chỉ cập nhật dữ liệu do doanh nghiệp khai báo tại hồ sơ nhập khẩu mà ít chú trọng tới các nguồn thông tin khác.

- Trình độ hiểu biết về kỹ thuật, máy móc của cán bộ hải quan còn yếu dẫn tới khó khăn trong khâu kiểm tra thực tế hàng hoá.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU MÁY MÓC, THIẾT BỊ TẠO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ TẠI TỔNG CỤC HẢI QUAN

3.1. Định hướng xây dựng và quan điểm giải quyết những bất cập về quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư trong thời gian tới.

3.1.1. Định hướng xây dựng, cải cách quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị để tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư trong thời gian tới.

Nhịp độ phát triển nhanh của thương mại quốc tế tiếp tục gây sức ép buộc hải quan Việt Nam phải tích cực cải cách hơn nữa. Định hướng cải cách, ngoài mục tiêu kiểm soát sự tuân thủ còn phải nhấn mạnh mục tiêu tạo thuận lợi hơn nữa cho thương mại quốc tế. Do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế 2007-2009, tự do thương mại có thể bị làm chậm lại do các nước dựng lên các hàng rào bảo hộ tinh vi, nhưng sức sống của thương mại tự do sẽ không có hàng rào bảo hộ nào cản nổi.

Bên cạnh việc hàng rào thuế quan trong nước được giảm dần theo lộ trình cam kết thì việc phải tìm ra các hình thức bảo hộ mới cho hàng hóa sản xuất trong nước như hàng rào kỹ thuật, vệ sinh an toàn, môi trường, chống bán phá giá, độc quyền... cũng gia tăng sức ép buộc hải quan phải thay đổi nhanh hơn theo hướng thích ứng linh hoạt phù hợp với luật chơi do các tổ chức kinh tế quốc tế cầm trịch. Muốn vậy, hải quan Việt Nam phải được chuẩn bị để giảm bớt công việc sự vụ, đi sâu vào các nghiệp vụ hỗ trợ quản lý nhà nước và hợp tác với doanh nghiệp tuân thủ pháp luật.

Sau đây là một số định hướng chính để đẩy mạnh cải cách quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư:

Một, các quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu (bao gồm cả thủ công và điện tử) đối với máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư về cơ bản được cải tiến đơn giản, hài hoà và thống nhất; tiếp tục triển khai mở rộng thí điểm thủ tục hải quan điện tử đối với mặt hàng này nhằm đáp ứng yêu cầu tạo thuận lợi thương mại, đầu tư, du lịch và đảm bảo an ninh. Đồng thời tạo thuận lợi cao nhất về thủ tục hải quan đối với máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư được miễn một phần hoặc toàn bộ thuế nhập khẩu và thuế khác.

Hai, hiện đại hoá các khâu nghiệp vụ trong hoạt động quản lý thuế và thu ngân sách bao gồm phân tích, đánh giá, dự báo số thu ngân sách; tổ chức việc thu thuế; quản lý nợ thuế và miễn giảm thuế trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách được giao.

Ba, trở thành đối tác với cộng đồng doanh nghiệp và các bên liên quan, nhằm mục đích đạt được quy trình thông quan đơn giản, thuận lợi, đúng pháp luật. Đẩy mạnh hợp tác và trao đổi thông tin giữa Hải quan - Doanh nghiệp, để tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau phục vụ cho mục tiêu tạo thuận lợi cho thương mại và đảm bảo tuân thủ.

Bốn, nâng cao kỹ năng phân loại máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định, việc giải quyết các tranh chấp về phân loại mặt hàng này của công chức hải quan theo hướng chuẩn hoá. Khắc phục tình trạng phân loại áp mã không thống nhất trong một Chi cục, một Cục và toàn Ngành.

Năm, từng bước triển khai có hiệu quả Hiệp định Trị giá Hải quan WTO: kiểm soát được khai báo trị giá, hạn chế tình trạng gian lận thương mại qua giá; chuẩn hoá quy trình kiểm tra trị giá, quy trình tham vấn và xác định trị giá phù hợp với Hiệp định và tiến trình cải cách, hiện đại hoá của Ngành;

hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp về giá; phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về giá và các công cụ hỗ trợ khác để kiểm soát trị giá khai báo; xây dựng cơ chế hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp trong việc xác định trị giá hải quan. Việt Nam cũng cam kết không cho phép cơ quan hải quan áp dụng lại quy định về giá nhập khẩu tối thiểu hay là danh mục giá mang tính áp đặt nhằm hạn chế nhập khẩu.

Sáu, nâng cao kỹ năng kiểm tra xác định xuất xứ hàng hoá cho cán bộ công chức hải quan và cộng đồng doanh nghiệp đảm bảo hàng hoá được hưởng các ưu đãi thuế quan và thương mại đúng quy định của pháp luật và phù hợp với các tiêu chí xuất xứ của hàng hoá theo thỏa thuận mậu dịch ưu đãi và theo quy chế Tối huệ quốc của WTO.

Bảy, nâng cao hiệu quả áp dụng quản lý rủi ro trong quy trình thông quan, mở rộng phạm vi áp dụng quản lý rủi ro áp dụng trong kiểm tra sau thông quan, nâng cao chất lượng công tác thu thập, xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan.

Tám, đảm bảo các hoạt động của ngành Hải quan theo cải tinh thần cải cách hành chính, giảm thiểu các thủ tục hành chính và hướng đến một cửa tại Tổng cục và các đơn vị thuộc và trực thuộc.

Chín, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hải quan phải được tiến hành đồng bộ, tương thích với các quy trình thủ tục hải quan, đặc biệt là quy trình thủ tục hải quan điện tử, phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử giai đoạn 2, gắn bó chặt chẽ với quá trình cải cách và hiện đại hóa của Ngành. Đồng thời kiên quyết ngăn chặn tệ nạn tham nhũng, tiêu cực trong lĩnh vực hải quan.

3.1.2. Quan điểm giải quyết những vấn đề còn bất cập trong quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.

Trước những vấn đề còn bất cập trong quá trình thực hiện quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư như đã đề cập đến ở trên, tôi xin đưa ra quan điểm giải quyết như sau:

- Thứ nhất, phải cải cách quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư phù hợp với các chuẩn mực, quy định của WTO cũng như của hải quan thế giới.

- Thứ hai, phải cải cách quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư theo hướng đơn giản hóa, hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử, dần dần tới xóa bỏ hoàn toàn quy trình thủ công, tạo nên sự nhanh chóng, khách quan cho qua trình thông quan hàng hóa.

3.2. Một số đề xuất, kiến nghị nhằm cải cách quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư theo hướng hiện đại hóa phù hợp với các quy định của WTO.

3.2.1. Một số đề xuất

3.2.1.1. Nhóm giải pháp trước mắt

* Nhóm giải pháp phát triển hoạt động khai báo từ xa đối với mặt hàng là thiết bị máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư:

Theo phương thức khai báo từ xa, doanh nghiệp chỉ cần ngồi tại trụ sở của mình, sử dụng phần mềm máy tính và khai báo dữ liệu qua internet đến cơ quan Hải quan, hoặc cập nhật vào máy tính của phòng khai báo đặt tại trụ sở Chi cục Hải quan cửa khẩu. Thực hiện khai báo từ xa, doanh nghiệp tiết kiệm

được nhiều thời gian và công sức chờ đợi. Cơ quan Hải quan do có dữ liệu trước nên khi làm thủ tục được nhanh chóng.

Tuy nhiên, thực tế vẫn còn một số chi cục địa phương chưa triển khai hoạt động khai báo từ xa như Cục hải quan Điện Biên, Hà Tĩnh, Khánh Hòa. Bên cạnh đó, qua thời gian thực hiện cũng nảy sinh một số vướng mắc về đường truyền. Nguyên nhân là do dung lượng thuê bao thấp, ảnh hưởng đến chất lượng đường truyền. Cục hải quan Hải Phòng cho rằng doanh nghiệp nên chuẩn hoá việc khai báo hải quan theo đúng quy định và thường xuyên cập nhật dữ liệu tại trụ sở của doanh nghiệp. Đồng thời, thực hiện khai báo từ trụ sở doanh nghiệp sẽ giúp doanh nghiệp tiếp cận với phương thức khai báo hải quan hiện đại, ứng dụng CNTT một cách mạnh mẽ vào việc làm thủ tục hải quan đối với việc nhập khẩu máy móc thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư. Dưới đây là một số giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động khai báo từ xa đối với việc nhập khẩu mặt hàng này:

- Chuẩn hóa các chương trình khai báo dành cho mặt hàng thiết bị, máy móc tạo tài sản cố định của dự án đầu tư và đẩy mạnh thực hiện các khóa đào tạo, tập huấn sử dụng chương trình cho doanh nghiệp.

- Kiện toàn đội ngũ nhân sự tại các Chi cục Hải quan để bố trí cán bộ có trình độ và hiểu biết về công nghệ thông tin vào khâu đăng ký, tiếp nhận khai báo hải quan.

- Xây dựng hệ thống tiếp nhận khai điện tử tập trung.

- Xây dựng chương trình phần mềm quản lý, thanh khoản hàng hoá.

- Tăng cường tuyên truyền để doanh nghiệp hiểu rõ lợi ích mà khai báo từ xa đem lại.

- Để hỗ trợ một số doanh nghiệp nhỏ, chưa quen với phương thức khai báo này và chưa có đủ phương tiện kỹ thuật, cơ quan Hải quan sẽ thường

xuyên phối hợp khi xây dựng hệ thống và tích cực giải đáp những vướng mắc khi thao tác khai báo. Đơn cử như tại Cục hải quan Hải Phòng, khi có yêu cầu của doanh nghiệp, Cục sẽ có bộ phận hỗ trợ và tháo gỡ vướng mắc về khai báo hải quan từ xa. Đáng chú ý nếu doanh nghiệp không đủ khả năng mua phần mềm khai báo, cơ quan Hải quan sẽ cung cấp miễn phí tại trang web của Tổng Cục Hải quan.

* Nhóm giải pháp mở rộng, khuyến khích tiến tới thực hiện hoàn toàn quy trình thủ tục hải quan điện tử đối với máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư:

Khai báo hải quan điện tử giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian làm thủ tục hải quan (do thông tin khai báo qua mạng được Chi cục Hải quan cửa khẩu kiểm tra ngay khi doanh nghiệp truyền đến). Việc nhầm lẫn, sai sót trong khai báo đã được phản hồi từ chương trình, thông báo trực tiếp đến doanh nghiệp. Do vậy, doanh nghiệp đã biết trước và khắc phục được thiếu sót về hồ sơ, tránh cho doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần.

Tại trụ sở doanh nghiệp Giám đốc công ty có thể theo dõi tình hình lô hàng làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu; về số tiền thuế phải nộp; về thông tin phản hồi yêu cầu hoàn thiện hồ sơ theo Luật định. Giúp cho công tác báo cáo, thống kê, kế toán của doanh nghiệp: kiểm soát các số liệu dễ dàng, lưu trữ thuận tiện, nhanh chóng do phần mềm thanh toán tự trừ lùi. Hạn chế các chi phí phát sinh về đi lại, văn phòng phẩm và đặc biệt tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong thời gian qua, Tổng Cục Hải quan sẽ chuyển sang triển khai mở rộng áp dụng thủ tục hải quan điện tử cả theo chiều sâu (mở rộng về đối tượng và loại hình) và chiều rộng (về địa bàn). Giai đoạn từ tháng 1/2009 đến tháng 6/2009, tiến hành các bước mở rộng ra các cục Hải quan Đồng Nai, Bình Dương. Giai đoạn từ tháng 6/2009 đến tháng 12/2009: tiến hành các bước

triển khai mở rộng cho các chi cục Hải quan Hà Nội, Lạng Sơn, Đà Nẵng. Đối với các cục hải quan khác, tiếp tục đẩy mạnh tiếp nhận khai hải quan qua mạng, từ xa để làm tiền đề mở rộng sang thủ tục hải quan điện tử.

Tuy nhiên, qua thời gian thực hiện vẫn còn những tồn tại. Một số nội dung trong thủ tục Hải quan điện tử vẫn còn chậm triển khai hoặc chưa thể triển khai, các nội dung đã triển khai mới chỉ áp dụng với số lượng doanh nghiệp tham gia và địa bàn áp dụng còn hạn chế. Phần mềm ứng dụng triển khai chưa đạt tiến độ, vẫn còn phải hiệu chỉnh nhiều trong quá trình triển khai. Hạ tầng mạng và thiết bị tuy đã được nâng cấp nhưng chưa hoàn thiện, dịch vụ C-VAN vẫn chưa thực sự hoàn thiện.

Do đó, nhằm đẩy mạnh thực hiện hoàn toàn quy trình thủ tục Hải quan điện tử đối với hoạt động nhập khẩu máy móc thiết bị tạo tài sản cố định, cần tiến hành một số giải pháp sau:

- Chuẩn hóa và nhanh chóng pháp lý hóa các quy định về thủ tục hải quan điện tử đã qua giai đoạn thí điểm để đưa vào thực hiện chính thức.

- Từng bước nâng cao phạm vi tự động hóa của chương trình nhằm gia tăng tỷ lệ kiểm tra tự động, từ đó giảm hẳn thời gian xử lý bộ hồ sơ điện tử và giảm thời gian thông quan hàng.

- Chuẩn hóa và hoàn thiện chương trình thông quan điện tử.

- Từng bước đầu tư, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin nhằm tăng tốc độ truyền nhận dữ liệu để từ đó giảm bớt thời gian truyền nhận giữa cơ quan Hải quan với doanh nghiệp, giữa các đơn vị hải quan với nhau, làm giảm hơn nữa thời gian thông quan cho hàng hóa.

- Triển khai các chương trình đào tạo về thủ tục hải quan điện tử cho nội bộ Ngành hải quan và cho cộng đồng doanh nghiệp.

- Tăng cường tuyên truyền để nâng cao hiểu biết của doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư về thủ tục hải quan điện tử.

- Khuyến khích doanh nghiệp nhập khẩu thiết bị, máy móc tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tự đánh giá mức độ tuân thủ và cải tiến nội bộ để tham gia thủ tục hải quan điện tử.

- Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồng bộ hệ thống phục vụ cho hải quan điện tử.

* Nhóm giải pháp đơn giản hóa, minh bạch hóa quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư, giảm thời gian thông quan hàng hóa:

Theo cam kết của Việt Nam về lĩnh vực hải quan trong WTO, các thủ tục hải quan nhìn chung sẽ phải đảm bảo không gây rào cản cho thương mại và phải được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực quốc tế theo Công ước Kyoto, bao gồm các chuẩn mực về thông quan, thủ tục hải quan, thuế quan và kiểm tra hải quan.

Trước mắt có thể bổ sung, hợp tác với các cán bộ kỹ thuật trong khâu kiểm tra thực tế hàng hoá để có thể đưa ra kết quả chính xác, tránh sự gian lận của doanh nghiệp. Xây dựng và triển khai các điểm kiểm tra hàng hóa tập trung có sử dụng các loại máy soi container. Đồng thời, tăng cường phối hợp và trao đổi thông tin với các Bộ, Ban, Ngành và doanh nghiệp để nâng cao kỹ năng kiểm tra, phân loại, xác định máy móc, thiết bị trong một dây chuyền sản xuất của cán bộ hải quan, nhằm hạn chế tình trạng gian lận thương mại của các doanh nghiệp nhập khẩu, tổ chức các chương trình tuyên truyền, tập huấn thực hiện các quy định về thủ tục hải quan cho cộng đồng doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.

Thứ hai, tăng cường thu thập thông tin, đánh giá mức độ tuân thủ của doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư để áp dụng hiệu quả công cụ quản lý rủi ro. Theo đó, Tổng cục Hải quan sẽ tiếp tục xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, có các tiêu chí phân loại doanh nghiệp, nâng cấp các chương trình phần mềm công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý rủi ro trong nghiệp vụ hải quan, điều chỉnh hệ thống quản lý rủi ro, giảm tối đa việc cảnh báo luồng đỏ mặt hàng máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.

Thứ ba, đơn giản hơn nữa các thủ tục hải quan, thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan; minh bạch hóa các quy định về làm thủ tục hải quan. Đơn giản hóa thủ tục hải quan cũng là nội dung quy định trong phần 6 của Chương trình hành động OSAKA trong APEC mà hải quan Việt Nam đã thực hiện. Đây cũng còn là nội dung quy định tại điều 6 của Hiệp định Hải quan ASEAN về thủ tục hải quan, quy định bao quát của một loại nội dung về hải quan trong Hiệp định khung ASEAN về Hội nhập các lĩnh vực ưu tiên ký năm 2004, là các hoạt động cụ thể trong đề án Kiểm tra một cửa trong ASEAN mà Hiệp định về Kiểm tra một cửa trong ASEAN vừa được ký kết đầu tháng 12-2005.

Thứ tư, văn bản quy định quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư (công văn 5112) cần quy định rõ hơn phần đăng ký danh mục hàng hóa, theo dõi, trừ lùi, thanh khoản danh mục, và thanh lý khi kết thúc dự án.

3.2.1.2. Các giải pháp tổng thể, lâu dài:

**** Cải cách thủ tục hành chính***

Thủ tục hành chính vốn là một điều mà các doanh nghiệp rất ngại khi làm các thủ tục, bởi vì thủ tục dường như luôn rất phức tạp và tốn khá nhiều thời gian và chi phí của doanh nghiệp. Trước đây, để làm thủ tục hải quan cho

một lô hàng máy móc, thiết bị tài sản cố định của dự án đầu tư thì tốn rất nhiều thời gian, doanh nghiệp phải cần rất nhiều giấy tờ, làm nhiều thủ tục, đi lại rất nhiều giữa cơ quan hải quan với doanh nghiệp, từ đó kéo theo thời gian để thông quan cho lô hàng thường rất lâu, gây không ít phiền hà cho doanh nghiệp. Đồng thời từ việc này sẽ phát sinh thêm nhiều vấn đề phức tạp, khi mà sự tiếp xúc giữa các cán bộ công chức hải quan và doanh nghiệp càng nhiều sẽ gây ra hiện tượng sách nhiễu, dẫn đến hiện tượng tham nhũng trong một số bộ phận công chức hải quan.

Mặc dù thủ tục hành chính trong việc làm thủ tục hải quan trong vài năm gần đây đã có giảm nhưng vẫn còn nhiều điều còn phải thực hiện để thực sự tạo thông thoáng cho doanh nghiệp. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong việc làm thủ tục hải quan cho hàng hoá sẽ là một vấn đề quan trọng để tăng hiệu quả thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan.

Để làm được điều đó thì hiện nay ngành Hải quan phải làm nhanh thủ tục hải quan điện tử đối với tất cả các mặt hàng nói chung và với máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư nói riêng, tiến tới áp dụng trên phạm vi toàn quốc chứ không chỉ thí điểm thực hiện như hiện nay nữa. Do vậy, phải chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện tốt nhất về nhân lực, vật lực, cần sự chuẩn bị đồng bộ ở tất cả các Chi cục, Cục hải quan trực thuộc, cần sự tuyên truyền đến các doanh nghiệp tham gia... để có thể sẵn sàng tham gia vào quy trình thủ tục hải quan điện tử sẽ được ứng dụng rộng rãi trong cả nước thời gian tới.

****Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin***

Ngành Hải quan luôn coi lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin là một trong những mũi nhọn được ưu tiên để hướng tới xây dựng một môi trường thông quan điện tử, phi giấy tờ, góp phần hình thành Chính phủ điện tử cho phép kết nối, liên thông giữa các cơ quan quản lý Nhà nước.

Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các khâu trong quy trình thủ tục hải quan là một điều tất yếu trong điều kiện hiện nay. Việc này đồng nghĩa với việc giảm thời gian thông quan cho lô hàng của doanh nghiệp, thời gian cũng như chi phí của doanh nghiệp từ đó sẽ được tiết kiệm hơn, việc trao đổi thông tin giữa cơ quan Hải quan và doanh nghiệp diễn ra nhanh hơn.

Đối với khâu đăng ký hồ sơ hải quan, phải tăng cường tuyên truyền khuyến khích, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp áp dụng khai hải quan qua mạng bằng một trong ba hình thức sau:

- Nối mạng trực tiếp từ địa điểm làm thủ tục hải quan của hải quan với doanh nghiệp.

- Mở phòng khai hải quan ngay tại địa điểm làm thủ tục hải quan tại các cửa khẩu và ngoài cửa khẩu.

- Doanh nghiệp khai hải quan đưa vào đĩa vi tính theo các mẫu của Tổng cục Hải quan quy định và chuyển cho cơ quan hải quan để copy vào các máy vi tính của cơ quan hải quan khi đăng ký tờ khai.

Bên cạnh đó phải nhanh chóng đưa vào áp dụng chính thức toàn bộ hệ thống thông quan điện tử. Đồng thời tiến hành xem xét phối hợp thực hiện quy trình xét miễn giảm thuế bằng hệ thống máy tính, xoá bỏ tính chủ quan trong công tác này.

**** Đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên sâu có kiến thức chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp.***

Máy móc có vai trò rất quan trọng trong quá trình thực hiện công việc, nhưng vai trò của con người mới là quan trọng nhất. Con người mới chính là người điều khiển sự hoạt động của máy móc. Do vậy để tăng cường hiệu quả của việc thực hiện quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư thì việc đào tạo

đội ngũ cán bộ công chức có năng lực, có phẩm chất chuyên môn cũng có vị trí rất là quan trọng. Một đội ngũ cán bộ tinh thông nghiệp vụ, có đạo đức nghề nghiệp cao sẽ đảm bảo cho bộ máy hoạt động trơn tru, suôn sẻ và mang lại kết quả cao trong công tác quản lý. Để làm được điều này thì cần có các biện pháp như:

Thứ nhất, tuyên truyền giáo dục, tập huấn sâu rộng đến từng cán bộ công chức. Bố trí các cán bộ chuyên sâu theo các bước của quy trình. Đào tạo sâu và có bài bản đối với các nghiệp vụ hải quan trong dây chuyền thủ tục hải quan từ khâu đăng ký hồ sơ (hướng dẫn người khai hải quan), kiểm tra chứng từ, kiểm tra thực tế hàng hoá, thực hiện quy trình miễn giảm thuế,...

Trong các khâu nghiệp vụ của quy trình thủ tục hải quan cần có các cán bộ hải quan có chuyên môn nghiệp vụ cao, am hiểu tình hình thực tế để có thể xử lý kịp thời các tình huống xảy ra. Ví dụ trong quá trình kiểm tra thực tế hàng hoá (kiểm hoá) thì cán bộ kiểm hoá phải là người có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm và đặc biệt là phải có các kiến thức chuyên sâu về các mặt hàng máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư, để làm nòng cốt trong việc kiểm hoá, xác định được chính xác sự đồng bộ trong dây chuyền sản xuất.

Thứ hai, thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ. Để có thể đáp ứng được yêu cầu công việc thì một vấn đề rất quan trọng đó là khả năng ngoại ngữ (đặc biệt là tiếng Anh) của các cán bộ hải quan, do đây là một ngành thường xuyên tiếp xúc với các đối tượng nước ngoài. Do vậy, cần phải thường xuyên mở các lớp giảng dạy, nâng cao khả năng ngoại ngữ cho các cán bộ trong Cục. Có thể giảng dạy ngoại ngữ, không chỉ tiếng Anh mà có thể thêm các ngoại ngữ khác như tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc... vì dù sao đây cũng là những ngôn ngữ có tính quốc tế cao. Để nâng cao chất lượng giảng dạy của các

lớp này, cần có các giảng viên có kinh nghiệm, không chỉ giỏi ngoại ngữ mà còn phải am hiểu các nghiệp vụ hải quan để giảng dạy nâng cao kiến thức ngoại ngữ liên quan đến ngoại thương, đến hoạt động của hải quan, phục vụ cho việc tác nghiệp của các cán bộ hải quan.

Đồng thời phải thường xuyên tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền các chính sách mới, các văn bản mới ban hành của Tổng cục Hải quan.

Thứ ba, để chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện cho việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử thời gian tới, bên cạnh việc nâng cấp hệ thống máy móc, thiết bị phục vụ cho công tác thì việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thực hiện còn quan trọng hơn nữa, cần mở các lớp tập huấn kỹ càng cho các cán bộ biết được cách thức thực hiện thủ tục hải quan điện tử như thế nào, cách thức thực hiện các bước trên máy...Do vậy, cần nâng cao kiến thức về tin học cho các cán bộ thực hiện bởi vì một khi áp dụng thủ tục hải quan điện tử thì tất cả các bước đều được thực hiện thông qua hệ thống máy tính.

Thứ tư, có chế độ ưu đãi hợp lý đối với cán bộ công chức hải quan.

Do vị trí đặc thù của ngành cũng như mức độ nhạy cảm của mặt hàng máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư nên hiện tượng tham nhũng, tiêu cực, móc nối, thông đồng với doanh nghiệp diễn ra khá nhiều, không chỉ ở cấp cán bộ cấp cao mà diễn ra phổ biến ở các cán bộ công chức thường xuyên tiếp xúc với doanh nghiệp trong tất cả các khâu. Đó có thể là cán bộ kiểm hoá khi tiến hành kiểm tra thực tế lô hàng của doanh nghiệp vi phạm, hay cũng có thể từ cán bộ trong khâu đăng ký hồ sơ... Hàng năm, ngành Hải quan lại phải đưa ra khỏi đội ngũ của mình hàng chục thậm chí hàng trăm cán bộ không đủ phẩm chất đạo đức. Việc xảy ra hiện tượng này do nhiều nguyên nhân như do tâm lý của các cán bộ không vững vàng, điều kiện thuận lợi cho hành động... trong đó có một nguyên nhân đó là do chính sách đãi ngộ đối với cán bộ công chức trong ngành Hải quan còn khá thấp trong

điều kiện nền kinh tế luôn phát triển. Hiện nay, cán bộ hải quan của Việt Nam thuộc ngạch công chức, hưởng lương công chức do Nhà nước quy định. Mức lương này khá thấp, trong khi hải quan lại là một ngành khá đặc biệt, sẽ tạo cơ hội cho một bộ phận cán bộ hải quan lợi dụng để tham nhũng. Do vậy để có thể cải thiện phần nào tình hình này thì đòi hỏi cần phải có chế độ đãi ngộ cao hơn đối với các cán bộ trong ngành hải quan. Bởi theo một nghiên cứu thì chính nghèo đói sinh ra tham nhũng, nên nếu các cán bộ công chức có được chế độ đãi ngộ phù hợp thì hiện tượng này có thể giảm đi phần nào.

Bên cạnh đó, cần có các chính sách khen thưởng, kỷ luật xứng đáng đối với các cán bộ để làm gương cũng như răn đe cho các cán bộ khác. Việc làm trong sạch đội ngũ cán bộ hải quan sẽ làm cho các khâu trong quy trình nghiệp vụ hải quan được diễn ra thuận lợi hơn, nhanh chóng hơn, giảm phiền hà cho doanh nghiệp từ đó quy trình thủ tục sẽ được tiến hành thông thoáng hơn, nhanh hơn.

**** Nhóm giải pháp nhằm nâng cao tính tự giác chấp hành pháp luật của doanh nghiệp***

Hoạt động buôn lậu hàng cấm và gian lận thương mại hiện nay vẫn có chiều hướng gia tăng với nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi, lách luật. Lợi dụng các hiệp định song phương, đa phương của Việt Nam với các nước, các đối tượng đã nhập khẩu hàng hóa vòng qua các nước được áp dụng thuế suất thấp để trốn thuế, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước. Trong những tháng gần đây, tình hình buôn lậu hàng cấm, hàng giả và gian lận thương mại vẫn diễn biến phức tạp, khó kiểm soát trên nhiều mặt về cả quy mô, mặt hàng và thủ đoạn. Các đối tượng vi phạm hình thành các đường dây từ nhập lậu, vận chuyển đến tiêu thụ các loại mặt hàng như: rượu, thuốc lá, vải ngoại, điện tử, điện lạnh, máy nổ và hàng tiêu dùng... với phương thức mới như: lợi dụng

quy định về quy trình giám sát hải quan mới, chủ yếu là miễn kiểm, quản lý rủi ro và thực hiện chế độ hậu kiểm, lợi dụng phương thức chuyển khẩu, tạm nhập tái xuất, nhập khẩu vào các khu kinh tế mở, khu chế xuất... để hạ thấp giá, kê khai sai số lượng, sai chủng loại hàng hóa, trốn thuế nhập khẩu và buôn lậu. Theo báo cáo tổng kết công tác năm 2006 và phương hướng nhiệm vụ năm 2007 của ngành hải quan, năm 2007, ngành hải quan đã kịp thời phát hiện vụ buôn lậu gỗ trắc quý mô lớn sang Trung Quốc (trị giá 150 tỷ đồng), điều tra vi phạm của công ty ABC và công ty Hải Vân truy thu 150 tỷ đồng tiền thuế... Năm 2007, hải quan đã bắt giữ 9.234 vụ, trị giá hàng vi phạm khoảng 145.112 tỷ đồng. Qua đó có thể thấy rằng ý thức chấp hành pháp luật của doanh nghiệp vẫn còn thấp, điều đó vô hình chung tạo nên tiền lệ xấu, “thói quen” của các doanh nghiệp nếu không có biện pháp ngăn chặn kịp thời. Tuy nhiên để việc chống buôn lậu, hàng giả, gian lận thương mại đạt được kết quả trong dài hạn đòi hỏi phải nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Sau đây là một số giải pháp nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của doanh nghiệp:

Một, có chính sách khuyến khích riêng đối với những doanh nghiệp tuân thủ tốt pháp luật trong hoạt động xuất nhập khẩu (như ưu tiên làm thủ tục thông quan nhanh, những doanh nghiệp tuân thủ pháp luật sẽ không phải kiểm tra thực tế hàng hóa...).

Hai, có chính sách, hình thức khen thưởng cho doanh nghiệp cung cấp thông tin về gian lận thương mại cho cơ quan Hải quan.

Ba, đối với các doanh nghiệp gian lận sẽ không được hưởng các ưu đãi về thủ tục, phải chịu sự kiểm tra chặt chẽ. Có chế tài xử phạt nghiêm minh, đánh mạnh vào lợi ích kinh tế cũng như uy tín của doanh nghiệp trên thương trường (ví dụ như cùng một doanh nghiệp, cùng một mặt hàng nhập khẩu làm

nhiều lần, nếu phát hiện gian lận một lần sẽ tính truy thu cả những lô hàng nhập khẩu trước đó trong vòng 5 năm).

Bốn, công khai danh sách các doanh nghiệp có hành vi gian lận thương mại trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đồng thời có biện pháp xử phạt thật nặng đối với những doanh nghiệp này để làm gương cho các doanh nghiệp khác.

3.2.2. Một số kiến nghị

3.2.2.1. Kiến nghị với lãnh đạo Tổng Cục hải quan

Thứ nhất, Tổng Cục hải quan nên xem xét, tổ chức, chuẩn hoá quy trình nghiệp vụ thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư, từ đó, tiến hành đào tạo cho cả cán bộ Hải quan và céng ăng doanh nghiệp.

Thứ hai, Tổng Cục nên xem xét, phê duyệt một quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư mới, đơn giản hóa, tối đa có thể chỉ gồm 3 bước như sau:

+ Bước 1: Tiếp nhận, kiểm tra điều kiện đăng ký tờ khai; kiểm tra hồ sơ (kiểm tra sơ bộ, kiểm tra chi tiết), đăng ký tờ khai hải quan, quyết định hình thức, mức độ kiểm tra;

+ Bước 2: Kiểm tra thực tế hàng hóa;

+ Bước 3: Thu lệ phí hải quan, đóng dấu “đã làm thủ tục hải quan” và trả tờ khai cho người khai hải quan.

Thứ ba, Tổng cục hải quan nên xem xét đưa bước phức tập hồ sơ xuống quy trình kiểm tra sau thông quan, vừa giảm thời gian thông quan hàng hoá, vừa để công tác này được thực hiện đúng mục đích.

3.2.2.2. Kiến nghị với Bộ Tài chính

Kiến nghị với Bộ tài chính chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Bộ phối hợp cùng Tổng cục hải quan về các mặt như:

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng mạng, thiết bị phần cứng, an ninh mạng, an ninh toàn hệ thống,...(Cục tin học và Thống kê tài chính).

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý để triển khai các nội dung có liên quan đến thủ tục hải quan điện tử, hiện đại hóa hải quan.

- Tạo tiền đề cho thủ tục thu nộp thuế điện tử.

3.2.2.3. Kiến nghị với Bộ kế hoạch và đầu tư

Bộ kế hoạch & đầu tư rà soát lại Luật doanh nghiệp đối với những nội dung liên quan đến việc thành lập, sát nhập, giải thể và hoạt động của các doanh nghiệp (nhất là điều kiện thành lập và giải thể doanh nghiệp) theo đó phải bổ sung các điều kiện cụ thể về thành lập doanh nghiệp như số vốn, trụ sở, ngành hàng kinh doanh,...Đối với các trường hợp giải thể doanh nghiệp phải hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với nhà nước trước khi thực hiện các nghĩa vụ khác, có như vậy mới ngăn chặn tình trạng doanh nghiệp chây ì, bỏ trốn, giải thể hoặc thành lập nhiều doanh nghiệp với mục đích chiếm dụng tiền thuế nhà nước như hiện nay.

KẾT LUẬN

Hải quan đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển thương mại và thị trường quốc tế. Ngày nay, vai trò của Hải quan đã được mở rộng sang cả vấn đề an ninh quốc gia, đặc biệt là vấn đề an ninh, tạo thuận lợi thương mại và đối phó với nguy cơ khủng bố, tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia, gian lận thương mại và cướp biển. Với vai trò đó, thực hiện thủ tục hải quan hiệu quả và hiệu lực có ảnh hưởng to lớn đến việc thúc đẩy năng lực cạnh tranh và phát triển xã hội. Đồng thời, việc này cũng sẽ thúc đẩy thương mại và đầu tư quốc tế nhờ môi trường thương mại an toàn hơn.

Trong một thế giới mà thách thức ngày càng lớn, thương mại và đầu tư sẽ chảy vào những nơi được coi là hiệu quả và thuận lợi. Đồng thời, thương mại và đầu tư sẽ rút khỏi những nơi bị coi là quan liêu, quản lý không tốt và chi phí cao. Do đó, hệ thống và quy trình của Hải quan không được là một rào cản đối với thương mại quốc tế và tăng trưởng.

Đặc biệt, sau khi Việt Nam gia nhập các tổ chức kinh tế khu vực và quốc tế như WTO, APEC, ASEAN, khối lượng hàng hóa thương mại qua lại biên giới ngày càng lớn, chủng loại hàng hóa thay đổi và đa dạng hơn, trong khi nguồn lực tăng cường cho hải quan không tương xứng, đã buộc hải quan Việt Nam phải hiện đại hóa nhanh mới có khả năng hoàn thành nhiệm vụ. Những yêu cầu đó càng gây sức ép buộc hải quan Việt Nam phải hiện đại hóa, cải cách quy trình thủ tục hải quan nhanh hơn nữa. Cải cách quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư là một trong những nội dung cải cách đó.

Trong thời kỳ mở cửa nền kinh tế hiện nay, Nhà nước luôn có những chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư, các dự án đầu tư đổ vào Việt Nam ngày càng nhiều, kéo theo sự gia tăng của nhu cầu nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định. Mặt hàng này được hưởng rất nhiều ưu đãi, đặc biệt là ưu đãi về thuế, nên quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu mặt hàng này có một số điểm khác biệt cần lưu ý so với quy trình chung và thường bị các doanh

nghiệp lợi dụng để trốn thuế, do đó gian lận thương mại xảy ra ở mặt hàng này là rất lớn. Đặc biệt từ khi gia nhập vào Tổ chức thương mại thế giới WTO, Việt Nam phải chấp nhận những cam kết đã được ký theo hiệp định của tổ chức, trong đó có lộ trình cắt giảm thuế đối với những mặt hàng nhập khẩu. Do đó, ngành hải quan sẽ phải tiếp tục tiến hành cải cách, hiện đại hóa quy trình hải quan đối với mặt hàng này theo hướng vừa quản lý giám sát chặt chẽ, vừa tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong tự do hóa thương mại.

Từ khi thực hiện Luật sửa đổi bổ sung Luật Hải quan (2005) đến nay ngành hải quan Việt Nam đã làm được nhiều việc như ban hành các quy chế cần thiết, xây dựng bộ tiêu chí rủi ro, áp dụng quản lý rủi ro (phân luồng hàng hóa) vào quy trình thủ tục hải quan, trong đó có quy trình nhập khẩu máy móc thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư. Tuy nhiên quy trình này vẫn còn tồn tại những hạn chế bất cập như: bộ hồ sơ chứng từ xuất trình của doanh nghiệp phức tạp; công tác kiểm tra giá thuế còn phụ thuộc nhiều vào sự chủ quan của cán bộ hải quan, tạo cơ hội cho một bộ phận cán bộ hải quan sách nhiễu, gây phiền hà, mất thời gian cho doanh nghiệp; quá trình phức tạp hồ sơ còn mang tính chất sắp xếp lại hồ sơ là chính... Bên cạnh đó, do quy trình quản lý rủi ro còn mới, đặc biệt quy trình này chủ yếu sử dụng phương tiện máy vi tính và hệ thống mạng internet là chủ yếu nên các đơn vị thừa hành đều gặp nhiều trở ngại, chưa hình thành được phong cách làm việc mới, dẫn đến một số hạn chế như: tỷ lệ khai báo từ xa tuy cao nhưng lại phân bố không đồng đều giữa các địa phương, thậm chí có nơi chưa áp dụng phương pháp này; không tách bạch được sự khác nhau giữa việc kiểm tra thực tế luồng xanh và luồng vàng...

Để quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư được triển khai nhanh và thuận lợi hơn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của hải quan về phương diện kiểm soát lần tạo thuận lợi cho thương mại, cần hoàn thiện quy trình thủ tục nhập khẩu mặt hàng này theo hướng tạo thuận lợi cao nhất về thủ tục hải quan như miễn một phần

hoặc toàn bộ thuế nhập khẩu và thuế khác; nâng cao kỹ năng phân loại máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định, việc giải quyết các tranh chấp về phân loại mặt hàng này của công chức hải quan theo hướng chuẩn hoá, khắc phục tình trạng phân loại áp mã không thống nhất trong một Chi cục, một Cục và toàn Ngành; nâng cao kỹ năng kiểm tra xác định xuất xứ hàng hoá cho cán bộ công chức hải quan và cộng đồng doanh nghiệp đảm bảo hàng hoá được hưởng các ưu đãi thuế quan và thương mại đúng quy định của pháp luật và phù hợp với các tiêu chí xuất xứ của hàng hoá; đẩy mạnh hợp tác và trao đổi thông tin giữa Hải quan - Doanh nghiệp, để tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau phục vụ cho mục tiêu tạo thuận lợi cho thương mại và đảm bảo tuân thủ. Bên cạnh đó, cần từng bước triển khai có hiệu quả Hiệp định Trị giá Hải quan WTO: kiểm soát được khai báo trị giá, hạn chế tình trạng gian lận thương mại qua giá; chuẩn hoá quy trình kiểm tra trị giá, quy trình tham vấn và xác định trị giá phù hợp với Hiệp định và tiến trình cải cách, hiện đại hoá của Ngành.

Với đội ngũ nhân viên hải quan tận tụy, chuyên nghiệp và đang ngày càng trẻ hóa kết hợp với sự hỗ trợ của các cấp Bộ Ban Ngành, Tổng cục Hải quan đang và sẽ tiến hành cải cách quy trình thủ tục nhập khẩu máy móc thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư thành công, góp phần tạo thuận lợi thương mại cho các doanh nghiệp, đưa nước ta hội nhập quốc tế toàn diện, góp phần vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà Đảng và Nhà nước đã đặt ra.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	1
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU MÁY MÓC, THIẾT BỊ TẠO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	6
1.1. Lý luận chung về thủ tục hải quan và quy trình thủ tục hải quan.....	6
1.1.1 Khái niệm thủ tục hải quan.....	6
1.1.2. Khái niệm quy trình thủ tục hải quan	7
1.1.3. Khái quát chung về Vụ giám sát quản lý - Tổng Cục Hải Quan.	7
1.1.3.1 Cơ cấu tổ chức của Vụ giám sát quản lý.....	7
1.1.3.2. Nhiệm vụ của Vụ giám sát quản lý	7
1.1.3.3. Cơ sở vật chất của Vụ giám sát quản lý	9
1.2. Những lý luận chung về quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị để tạo tài sản cố định cho các dự án đầu tư.....	9
1.2.1. Quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu đối với máy móc thiết bị tạo tài sản cố định cho dự án đầu tư không thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu	9
1.2.1.1. Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra sơ bộ, đăng ký tờ khai, quyết định hình thức, mức độ kiểm tra	9
1.2.1.2. Kiểm tra chi tiết hồ sơ, giá, thuế	12
1.2.1.3. Kiểm tra thực tế hàng hóa.....	14
1.2.1.4. Thu lệ phí hải quan, đóng dấu “đã làm thủ tục hải quan” và trả tờ khai cho người khai hải quan.....	15
1.2.1.5. Phúc tập hồ sơ.....	16
1.2.2. Quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định cho dự án đầu tư thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu...	16
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THỰC HIỆN QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU MÁY MÓC, THIẾT BỊ TẠO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	19
2.1. Đánh giá tổng quan tình hình ảnh hưởng của các nhân tố môi trường đến hoạt động triển khai quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư.....	19
2.1.1. Các nhân tố bên trong	19

2.1.2. Nhân tố bên ngoài	20
2.2. Thực trạng quá trình triển khai quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại Tổng Cục hải quan.....	21
2.2.1. Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra sơ bộ, đăng ký tờ khai, quyết định hình thức, mức độ kiểm tra	21
2.2.2. Kiểm tra chi tiết hồ sơ, giá, thuế	26
2.2.3. Kiểm tra thực tế hàng hóa.....	28
2.2.4. Thu lệ phí hải quan, đóng dấu “đã làm thủ tục hải quan” và trả tờ khai hải quan cho người khai hải quan:.....	30
2.2.5. Phúc tập hồ sơ.....	31
2.3 Đánh giá tổng quan tình hình thực hiện quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư.....	34
2.3.1 Những thành công	34
2.3.2 Những tồn tại.....	35
2.3.3 Nguyên nhân:.....	36
2.3.3.1. Nguyên nhân khách quan	36
2.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan.....	37
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU MÁY MÓC, THIẾT BỊ TẠO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ TẠI TỔNG CỤC HẢI QUAN	39
3.1. Định hướng xây dựng và quan điểm giải quyết những bất cập về quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư trong thời gian tới.	39
3.1.1. Định hướng xây dựng, cải cách quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị để tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư trong thời gian tới.....	39
3.1.2. Quan điểm giải quyết những vấn đề còn bất cập trong quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.....	42
3.2. Một số đề xuất, kiến nghị nhằm cải cách quy trình thủ tục hải quan nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư theo hướng hiện đại hóa phù hợp với các quy định của WTO.....	42
3.2.1. Một số đề xuất.....	42
3.2.1.1. Nhóm giải pháp trước mắt.....	42

3.2.1.2. Các giải pháp tổng thể, lâu dài:	47
3.2.2. Một số kiến nghị.....	54
3.2.2.1. Kiến nghị với lãnh đạo Tổng Cục hải quan	54
3.2.2.2. Kiến nghị với Bộ Tài chính	55
3.2.2.3. Kiến nghị với Bộ kế hoạch và đầu tư	55
KẾT LUẬN	56

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Tỷ lệ phần trăm số tờ khai từ xa của doanh nghiệp nhập khẩu máy móc thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.

Bảng 2. Tỷ lệ số tờ khai từ xa của các địa phương.

Bảng 3: Số liệu công tác tham vấn đối với mặt hàng máy móc thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.

Bảng 4: Số vụ trốn thuế bị phát hiện.

Bảng 5: Số thuế thực thu đối với máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.

Bảng 6: Số trường hợp phát hiện sai phạm trong khâu kiểm tra chi tiết hàng hóa.

Bảng 7: Tổng kết quá trình phức tạp hồ sơ hải quan nhập khẩu máy móc thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.

Bảng 8: Thời gian thông quan đối với việc nhập khẩu máy móc, thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Luật Hải quan đã được sửa đổi bổ sung năm 2005* (2005), điều 11, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. *Công văn số 5112/TCHQ-GSQL* về việc thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu tạo tài sản cố định do Tổng cục Hải quan ban hành.
3. Hội đồng hợp tác Hải quan Thế giới (1999), *Công ước quốc tế về hài hòa và đơn giản hóa thủ tục Hải quan* (Công ước Kyoto sửa đổi và bổ sung), tháng 6/1999.
4. Bộ Tài chính (2004), *Quyết định 810/QĐ-BTC ngày 16/03/2006 về kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hóa ngành Hải quan giai đoạn 2004 – 2006*.
5. Tổng cục Hải quan (2006), *Quyết định 874/QĐ-TCHQ ngày 15/05/2006 về việc ban hành quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại*.
6. Tổng cục Hải quan (2006), *Báo cáo tình hình công tác tháng 6, chương trình công tác tháng 7/2006*, Hà Nội.
7. Tổng cục Hải quan: Báo cáo tổng kết công tác năm 2006 và phương hướng nhiệm vụ năm 2007 của ngành Hải quan.
8. Bộ Tài chính (2005), *Dự án Hiện đại hóa Hải quan, Phát triển nguồn nhân lực*, Hà Nội.
9. Tổng cục Hải quan (1952), *Quyết định 1952/QĐ-TCHQ ngày 19/12/2005 về việc cấp thẻ ưu tiên thủ tục Hải quan cho doanh nghiệp*
10. *Hội thảo sơ kết rút kinh nghiệm sau hai tháng triển khai Thủ tục hải quan điện tử*, <http://customs.gov.vn>, 08/11/2005.
11. *Những vấn đề đặt ra khi áp dụng phương pháp quản lý rủi ro*, <http://customs.gov.vn>, ngày 17/11/2005.
12. Trang web khác:
www.tintuc.timnhanh.com/phap_luat/
www.laodong.com.vn/Home/Day-manh-cai-cach-thu-tuc-hai-quan-va-quan-ly-thue
<http://caicachhanhchinh.gov.vn>

<http://www.nguoidaibieu.com.vn>
<http://www.quangninhcustoms.gov.vn>
<http://www.customs.gov.vn/Lists/TinHoatDong>
<http://vietbao.vn/Kinh-te/Nhung-kho-khan-cua-hai-quan-khi-cuong-che-thue/10728519/87/>
<http://www.taichinhdientu.vn/Home/Xay-dung-Portal-nganh-Hai-quan-kho-khan-chinh-khong-phai-la-cong-nghe/20089/24230.dfis>
<http://www.vn-seo.com/quan-ly-chuyen-nganh-doi-voi-hang-hoa-xnk-han-che-tu-nhieu-phia/>
<http://www.customs.gov.vn/Lists/TinHoatDong/Print.aspx?ID=17175>
<http://vneconomy.vn/68183P0C10/hai-quan-da-co-hinh-anh-tot-hon-nhung.htm>
<http://vietbao.vn/Kinh-te/Hai-quan-se-cap-The-uu-tien-cho-DN/20221452/87/>
<http://www.haiquanbinhduong.gov.vn/Default.aspx?p=dtnews&type=2&newsid=921>

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

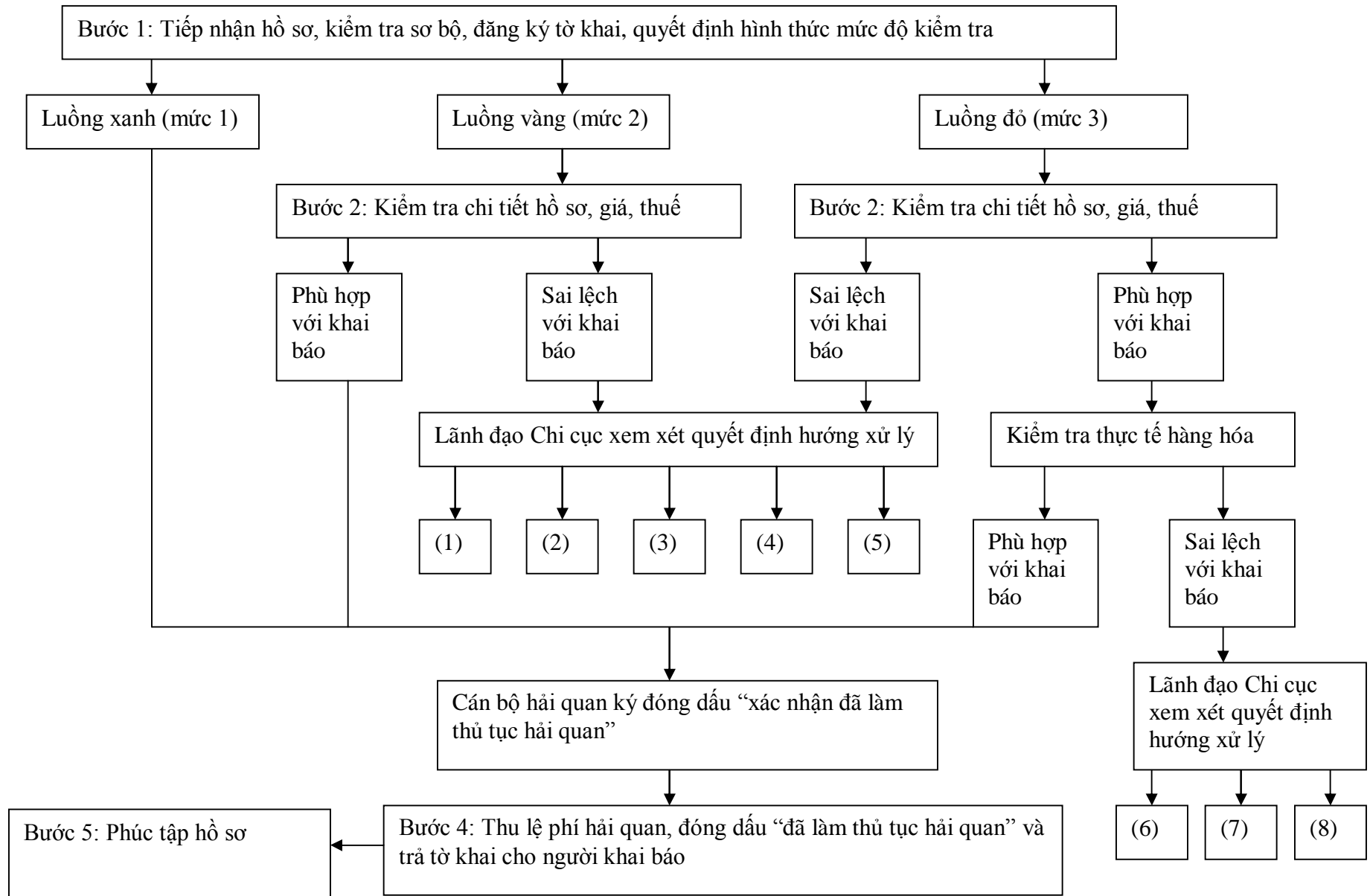
XK: xuất khẩu.

NK: nhập khẩu.

XNK: xuất nhập khẩu.

CNTT – TKHQ: công nghệ thông tin – thống kê hải quan.

PHỤ LỤC 2: Sơ đồ quy trình thủ tục hải quan NK máy móc thiết bị tạo tài sản cố định của dự án đầu tư



Chú thích:

- (1): Thông quan hoặc tạm giải phóng hàng
- (2): Kiểm tra lại hoặc thay đổi mức kiểm tra thực tế hàng hóa
- (3): Tham vấn giá
- (4): Trưng cầu giám định hàng hóa
- (5): Lập biên bản chứng nhận/Biên bản vi phạm hành chính về hải quan
- (6): Kiểm tra tính thuế lại và ra quyết định điều chỉnh số thuế phải thu
- (7): Lập biên bản chứng nhận/Biên bản vi phạm hành chính về hải quan
- (8): Thông quan hoặc tạm giải phóng hàng

PHỤ LỤC 1: Danh sách cán bộ được phỏng vấn, đặt câu hỏi tại Vụ Giám sát quản lý

- 1. Vũ Quang Vinh - Vụ trưởng**
- 2. Vũ Văn Đức - Vụ Phó**
- 3. Trịnh Đình Kính - Vụ Phó**
- 4. Ông Anh Tuấn - Vụ Phó**
- 5. Nguyễn Bắc Hải - Chuyên viên**
- 6. Đào Ngọc Phú - Chuyên viên**
- 7. Đào Duy Tám - Chuyên viên**
- 8. Phùng Thái Hà - Chuyên viên**

